

Số: **800** /BC-UBND

Phú Riềng, ngày **13** tháng **12** năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công, vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Thực hiện các Quyết định 2123/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh về việc giao điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024;

Thực hiện Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2024; Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2024; Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2024 (lần 2);

UBND huyện đã ban hành các Quyết định và các văn bản triển khai thực hiện, như:

- Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của UBND huyện Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2024;
- Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND huyện Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đợt 1);
- Quyết định 2560/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của UBND huyện về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công và vốn CTMTQG nông thôn mới năm 2024 (đợt 2);
- Quyết định 2780/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của UBND huyện về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công và vốn CTMTQG nông thôn mới năm 2024 (đợt 3);
- Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 (đợt 4);
- Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của UBND huyện Về việc giao giao kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công huyện Phú Riềng năm 2024;
- Quyết định 3071/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND huyện về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công và vốn CTMTQG nông thôn mới năm 2024 (đợt 5);

- Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND huyện Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 (đợt 6);

- Quyết định số 3259/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của UBND huyện Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 (đợt 7) và điều chỉnh CTMTQG nông thôn mới năm 2024;

- Quyết định 3360/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND huyện về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công và vốn CTMTQG nông thôn mới năm 2024 (đợt 8);

- Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND huyện Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 (đợt 9);

- Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND huyện Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 (đợt 10);

- Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND huyện Về việc giao kế hoạch điều chỉnh và chi tiết kế hoạch vốn CTMTQG nông thôn mới năm 2024 (đợt 11)

- Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND huyện Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đợt 12);

- Quyết định số 3562/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 của UBND huyện Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đợt 13);

- Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND huyện Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn CTMTQG nông thôn mới năm 2024;

- Quyết định số 3602/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND huyện Về việc điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024;

UBND huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công, vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và kế hoạch năm 2025, cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2024

A.1. Kế hoạch vốn năm 2024. (Chi tiết tại biểu tổng hợp)

Năm 2024, tổng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản, Chương trình Chương trình MTQG và vốn kéo dài trên địa bàn huyện là: 446.924.000.000 đồng.

Trong đó:

Vốn tỉnh phân cấp: 118.666.000.000 đồng (Vốn xây dựng cơ bản tập trung 26.400.000.000 đồng; Vốn Sử dụng đất 20.580.000.000 đồng; Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 53.638.000.000 đồng; Chương trình

PTKTXH vùng ĐBDTTS 4.048.000.000 đồng; Vốn xây dựng phòng học 14.000.000.000 đồng;

Vốn tỉnh quản lý: 127.010.000.000 đồng, gồm: Vốn xỏ số kiến thiết 60.000.000.000 đồng; vốn sử dụng đất 67.010.000.000 đồng.

Vốn huyện quản lý: 96.205.000.000 đồng (Vốn chi đầu tư phát triển 86.400.000.000 đồng; Tồn xây dựng cơ bản các năm trước 5.826.000.000 đồng; Vốn tỉnh bổ sung hụt thu cân đối năm 2023: 3.979.000.000 đồng).

Vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024: 105.043.000.000 đồng (Vốn XDCB tập trung 3.888.000.000 đồng; Vốn sử dụng đất tỉnh phân cấp 22.661.000.000 đồng; Vốn xây dựng phòng học 9.396.000.000 đồng; Vốn Chương trình NTM 7.212.000.000 đồng; Vốn Chương trình giảm nghèo 112.000.000 đồng; Vốn chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS 389.000.000 đồng; Ngân sách huyện 61.385.000.000 đồng.

II. Kết quả thực hiện

II.1. Kết quả thực hiện toàn huyện. (Chi tiết tại phụ lục 01)

II.1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024.

Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 162.675.000.000 đồng/341.881.000.000 đồng. Đạt 47,6 % so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1. Vốn tỉnh phân cấp giải ngân: 53.960.000.000 đồng/118.666.000.000 đồng. Đạt 45,5% so với kế hoạch. Trong đó:

a) Vốn xây dựng cơ bản tập trung: 16.034.000.000 đồng/26.400.000.000 đồng. Đạt 60,7% so với kế hoạch;

b) Vốn Sử dụng đất: 6.273.000.000 đồng/20.580.000.000 đồng. Đạt 30,5% so với kế hoạch;

c) Vốn Tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học: 4.105.000.000đồng/14.000.000.000 đồng. Đạt 29,3% so với kế hoạch;

d) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM: 27.548.000.000 đồng/53.638.000.000 đồng. Đạt 51,4% so với kế hoạch;

e) Vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH: 0 đồng/4.048.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

2. Vốn tỉnh quản lý giải ngân: 78.696.000.000đồng/127.010.000.000 đồng. Đạt 62% so với kế hoạch.

3. Vốn huyện quản lý giải ngân: 36.406.000.000 đồng/96.205.000.000 đồng. Đạt 37,8% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

a) Vốn tỉnh hỗ trợ chi đầu tư phát triển: 36.406.000.000đồng/86.400.000.000 đồng. Đạt 42,1% so với kế hoạch;

b) Vốn Tồn xây dựng cơ bản các năm trước: 0 đồng/5.826.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

c) Vốn tỉnh bổ sung hụt thu cân đối năm 2023: 0 đồng/3.979.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

II.1.2. Kết quả giải ngân vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024

Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024 là: 50.206.000.000 đồng/105.043.000.000 đồng. Đạt 47,8 % so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1. Vốn XDCB tập trung: 1.060.000.000 đồng/3.888.000.000 đồng. Đạt 27,7% so với kế hoạch;

2. Vốn sử dụng đất tỉnh phân cấp: 8.940.000.000/22.661.000.000 đồng. Đạt 39,4% so với kế hoạch;

3. Vốn xây dựng phòng học 5.268.000.000 đồng/9.396.000.000 đồng. Đạt 56% so với kế hoạch;

4. Vốn Chương trình NTM: 2.244.000.000 đồng/7.212.000.000 đồng. Đạt 31,12% so với kế hoạch;

5. Vốn Chương trình giảm nghèo: 0 đồng/112.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

6. Vốn chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS: 0đồng/389.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

7. Ngân sách huyện: 32.694.000.000 đồng/61.385.000.000 đồng. Đạt 53,3% so với kế hoạch;

II.2. Kết quả chi tiết từng chủ đầu tư.

II.2.1. Ban quản lý dự án xây dựng huyện. (Chi tiết tại Biểu 01)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 và vốn kéo dài là 393.173.000.000 đồng.

- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 209.677.000.000 đồng/393.173.000.000 đồng. Đạt 53,3% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn xây dựng cơ bản tập trung: 16.034.000.000 đồng /18.960.000.000 đồng. Đạt 84,6% so với kế hoạch

2) Vốn Sử dụng đất: 3.567.000.000 đồng/9.822.000.000 đồng. Đạt 36,3% so với kế hoạch;

3) Vốn Tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học: 4.105.000.000 đồng/14.000.000.000 đồng. Đạt 32,1% so với kế hoạch;

4) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM: 21.139.000.000 đồng/32.444.000.000 đồng. Đạt 65,2% so với kế hoạch;

5) Vốn tình quản lý giải ngân: 78.696.000.000 đồng/ 127.010.000.000 đồng. Đạt 62% so với kế hoạch.

6) Vốn tình hỗ trợ chi đầu tư phát triển: 36.406.000.000 đồng/ 82.800.000.000 đồng. Đạt 44% so với kế hoạch;

7) Vốn Tồn xây dựng cơ bản các năm trước: 0/ 5.826.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch.

8) Vốn kéo dài năm 2023 chuyển sang năm 2024: 49.731.000.000 đồng/ 103.511.000.000 đồng. Đạt 48% so với kế hoạch;

II.2.2. UBND xã Bình Tân (xã về đích nông thôn mới nâng cao năm 2024). (Chi tiết tại biểu số 02)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024: 16.346.000.000 đồng.

- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 4.446.000.000 đồng/16.346.000.000 đồng. Đạt 27,2% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn sử dụng đất: 0 đồng/ 5.986.000.000 đồng . Đạt 0% so với kế hoạch.

2) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM: 4.446.000.000 đồng/8.500.000.000 đồng. Đạt 52,3 % so với kế hoạch;

3) Vốn tình bổ sung hụt thu cân đối năm 2023: 0/1.861000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch.

II.2.3. UBND xã Long Hưng. (Chi tiết tại biểu số 03)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 688.000.000 đồng.

- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 526.000.000 đồng/688.000.000 đồng. Đạt 76,5% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn sử dụng đất: 526.000.000 đồng/688.000.000 đồng. Đạt 76,5% so với kế hoạch.

II.2.4. UBND xã Long Bình. (Chi tiết tại biểu số 04)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 5.233.000.000 đồng.

- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 1.138.000.000 đồng/5.233.000.000 đồng. Đạt 21,7% so với kế hoạch.

1) Vốn sử dụng đất: 443.000.000 đồng/603.000.000 đồng. Đạt 73,5% so với kế hoạch.

2) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM: 695.000.000 đồng/4.200.000.000 đồng. Đạt 16,6 % so với kế hoạch;

3) Vốn Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS: 0 đồng/297.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

4) Vốn kéo dài năm 2023 chuyển sang năm 2024: 0 đồng/133.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

II.2.5. UBND xã Long Tân (Chi tiết tại biểu số 05)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 4.389.000.000 đồng.

- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 846.000.000 đồng/4.389.000.000 đồng. Đạt 19,3% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn sử dụng đất: 0 đồng/4.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

2) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM: 846.000.000 đồng/4.200.000.000 đồng. Đạt 20,1% so với kế hoạch;

3) Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS: 0 đồng/88.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch.

4) Vốn kéo dài 2023 sang 2024: 0 đồng/97.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch.

II.2.6. UBND xã Long Hà (Chi tiết tại biểu số 06)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 3.490.000.000 đồng.

- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 1.692.000.000 đồng/ 3.490.000.000 đồng. Đạt 48,5% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn sử dụng đất: 1.320.000.000 đồng/2.095.000.000 đồng. Đạt 63% so với kế hoạch;

2) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM: 0đồng/1.000.000.000 đồng. Đạt 0 % so với kế hoạch;

3) Vốn Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS: 0 đồng/ 22.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch.

6) Vốn kéo dài 2023 sang 2024: 372.000.000/373.000.000 đồng. Đạt 99,8% so với kế hoạch.

II.2.7. UBND xã Phú Riêng (Chi tiết tại biểu số 07)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 2.000.000.000 đồng.

- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 422.000.000 đồng/2.000.000.000 đồng. Đạt 21,1% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM: 422.000.000 đồng/2.000.000.000 đồng. Đạt 21,1% so với kế hoạch.

II.2.8. UBND xã Phú Trung (Chi tiết tại biểu số 08)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 549.000.000 đồng.

- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 252.000.000 đồng/542.000.000 đồng. Đạt 46% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn sử dụng đất: 252.000.000 đồng/549.000.000 đồng. Đạt 94,4% so với kế hoạch;

2) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM: 0đồng/295.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

II.2.9. UBND xã Phước Tân (Chi tiết tại biểu số 09)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 1.013.500.000 đồng.

- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 0 đồng/1.013.500.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn sử dụng đất: 0 đồng/13.500.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

2) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM: 0đồng/1.000.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

3) Vốn Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS: 0 đồng/297.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

4) Vốn kéo dài 2023 sang 2024: 0/40.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch.

II.2.10. UBND xã Bình Sơn (Chi tiết tại biểu số 10)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 193.000.000 đồng.

- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 103.000.000 đồng/193.000.000 đồng. Đạt 53,3% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn sử dụng đất: 0 đồng/2.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

2) Vốn Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS: 0 đồng/44.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

3) Vốn kéo dài 2023 sang 2024: 103.000.000/147.000.000 đồng. Đạt 53,3% so với kế hoạch.

II.2.11. UBND xã Bù Nho (Chi tiết tại biểu số 11)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 848.000.000 đồng.

- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 165.000.000 đồng/848.000.000 đồng. Đạt 19,5% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn sử dụng đất: 165.000.000đồng/2.000.000 đồng. Đạt 19,5% so với kế hoạch;

II.2.12. Phòng Kinh tế và Hạ tầng (Chi tiết tại biểu số 12)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 440.000.000 đồng.
- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 0 đồng/440.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Xây dựng cơ bản tập trung: 0 đồng/440.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

II.2.13. Phòng Giáo dục và Đào tạo (Chi tiết tại biểu số 13)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 3.800.000.000 đồng.
- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 0 đồng/3.800.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn tỉnh hỗ trợ chi đầu tư phát triển: 0 đồng/3.600.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

2) Vốn kéo dài 2023 sang 2024: 0/200.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch.

II.2.14. Công an huyện (Chi tiết tại biểu số 14)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 2.064.000.000 đồng.
- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 0 đồng/2.064.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn Xây dựng cơ bản tập trung: 0 đồng/2.000.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch;

2) Vốn kéo dài 2023 sang 2024: 0/64.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch.

II.2.15. Phòng Lao động, Thương binh và xã hội (Chi tiết tại biểu số 15)

- Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 78.000.000 đồng.
- Trong 11 tháng đầu năm 2024, tổng số lũy kế giải ngân kế hoạch là: 0 đồng/78.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch. Cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

1) Vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024: 0/78.000.000 đồng. Đạt 0% so với kế hoạch.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý nhà nước về đầu tư và xây dựng:

UBND huyện đã tổ chức họp giao ban hàng tháng, quý nhằm tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ công tác đầu tư xây dựng, chỉ đạo các chủ đầu tư, các phòng ban chuyên môn khẩn trương hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và thanh lý tài sản để bàn giao mặt bằng thi công theo kế hoạch.

Bên cạnh đó, được sự quan tâm của Huyện ủy và Hội đồng nhân dân huyện, UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt và sâu sát cùng với sự cố gắng của các phòng ban chuyên môn, UBND các xã nhưng tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, Chương trình MTQG năm 2023 và vốn kéo dài trên địa bàn huyện vẫn đạt còn thấp là do các nguyên nhân như sau:

- Dự án chuyển tiếp đã hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng nhưng chậm quyết toán nên chưa phân khai vốn để tất toán công trình.

- Công tác chuẩn bị đầu tư đối với một số dự án chưa tốt dẫn đến phải thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung nên chậm phê duyệt, tổ chức lựa chọn nhà thầu để triển khai thực hiện.

- Các dự án thuộc 03 chương trình MTQG chậm phê duyệt dự án; danh mục điều chỉnh bổ sung nhiều lần; 01 dự án thuộc Chương trình PTKTXH vùng ĐBĐT TS và MN không triển khai thực hiện được do gặp khó khăn trong công tác vận sau đầu tư.

- Công tác quản lý, điều hành dự án của một số chủ đầu tư còn yếu kém, chủ quan, chưa quan tâm công tác giải ngân...

- Ngoài ra, thời tiết không thuận lợi mưa nhiều nên ảnh hưởng đến tiến độ thi công của các dự án.

2. Công tác quản lý chất lượng, giám sát: Công tác kiểm tra của UBND huyện, các ngành chức năng và giám sát kỹ thuật của chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn được thực hiện thường xuyên. Qua kiểm tra cho thấy các dự án cơ bản đảm bảo về chất lượng công trình xây dựng.

IV. ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2024 (Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

Trên cơ sở khối lượng đã đạt được và giải pháp thực hiện đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, ước tổng giá trị giải ngân cả năm là 432.101.000.000 đồng, đạt 96,68% kế hoạch vốn.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Từ các nguyên nhân trên, UBND huyện đề ra các giải pháp thực hiện như sau:

1. Thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của tỉnh về quản lý đầu tư công. Giải quyết kịp thời các khó khăn của chủ đầu tư trong quá trình thực hiện đầu tư và xây dựng theo thẩm quyền được quy định, đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện tốt các khâu trong quy trình quản lý đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và nghiệm thu khối lượng hoàn thành đạt chất lượng, tiến hành thanh quyết toán kịp thời.

2. Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, đơn vị trong quản lý đầu tư để dự án được triển khai nhanh chóng, chất lượng, hiệu quả.

3. Tiếp tục công tác giám sát, đánh giá đầu tư xây dựng nâng cao chất lượng công trình.

4. Kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời đối với các nhà thầu vi phạm tiến độ xây dựng, chất lượng công trình, chậm giao nộp thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành và vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết.

5. Tăng cường công tác nghiệm thu từng giai đoạn dự án để giải ngân vốn kịp thời khi có khối lượng hoàn thành, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 04 ngày kể từ ngày có khối lượng được nghiệm thu, làm thủ tục ngay để thanh toán với Kho bạc, không để dồn khối lượng hoàn thành tập trung vào cuối năm. Đẩy nhanh công tác quyết toán công trình khi được nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng theo đúng thời gian quy định và có biện pháp xử lý nghiêm đối với các đơn vị không quyết toán, quyết toán chậm, gây ảnh hưởng đến công tác bố trí và thanh toán kế hoạch vốn.

6. Đẩy nhanh công tác quyết toán dự án hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng để tất toán dự án trong năm 2024.

B. KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2025 (Chi tiết tại phụ lục số 02)

Trên cơ sở thực hiện kế hoạch năm 2024, kế hoạch tỉnh giao và dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất trong năm 2025 và kế hoạch Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết 58/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về thông qua dự kiến danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công huyện Phú Riêng năm 2025. UBND huyện báo cáo kế hoạch đầu tư công trong năm 2025, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn:	208.724.000.000 đồng
<i>Trong đó:</i>	
1. Vốn XDCB tập trung:	26.400.000.000 đồng
<i>Trong đó:</i>	
- Dự án chuyển tiếp:	17.720.000.000 đồng
- Chuẩn bị đầu tư:	4.080.000.000 đồng
- Dự án khởi công mới :	4.600.000.000 đồng
2. Vốn thu tiền sử dụng đất:	29.400.000.000 đồng
<i>Trong đó:</i>	
- Bố trí đối ứng xây dựng huyện nông thôn mới:	29.400.000.000 đồng
3. Vốn tỉnh hỗ trợ chi đầu tư:	110.000.000.000 đồng
<i>Trong đó:</i>	
- Dự án chuyển tiếp là:	45.000.000.000 đồng
- Dự án khởi công mới:	65.000.000.000 đồng
3. Vốn thu tiền sử dụng đất huyện giao:	42.924.000.000 đồng

Trong đó:

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| - Dự án chuyển tiếp là: | 16.924.000.000 đồng |
| - Dự án khởi công mới: | 26.000.000.000 đồng |

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công, vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và kế hoạch năm 2025./.

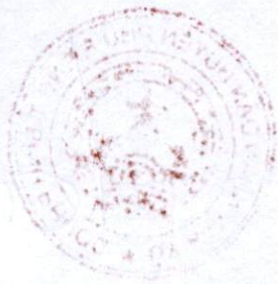
Nơi nhận:

- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng ban chuyên môn;
- UBND các xã;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Mùi.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Anh Nam



Am. Arch. 3P

Phụ lục 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	446.924	219.267	49,1	432.101	96,68		
A	KẾ HOẠCH NĂM 2024	341.881	169.061	49,5	333.577	98		
I	Vốn tỉnh phân cấp	118.666	53.960	45,5	110.362	93		
I.1	Xây dựng cơ bản tập trung	26.400	16.034	60,7	26.400	100		
I.1.1	Công trình chuyển tiếp	23.960	16.034	66,9	23.960	100		
a	Lĩnh vực giáo dục	10.500	7.669	73,0	10.500	100		
01	Xây dựng 02 phòng học và công trình phụ trợ Trường TH và THCS Phú Trung (điểm thôn Phú Tiến)	1.000	1.000	100	1.000	100	Ban QLDAXD huyện	
02	Xây dựng 04 phòng chăm sóc nuôi dưỡng, Hành chính quản trị và các công trình phụ Trường Mẫu giáo Phú Trung	2.500	108	4,3	2.500	100	Ban QLDAXD huyện	
03	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Phước Tân	1.000	932	93,2	1.000	100	Ban QLDAXD huyện	
04	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Tiểu học Phú Riêng A	500	500	100	500	100	Ban QLDAXD huyện	
05	Xây dựng 04 phòng học lầu và phòng giáo viên Trường TH và THCS Trần Phú (điểm trường THCS)	2.000	1.999	100	2.000	100	Ban QLDAXD huyện	
06	Xây dựng 06 phòng học lầu trường Mẫu giáo Phú Riêng Đò	500	500	100	500	100	Ban QLDAXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
07	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Vành Khuyen	500	130	25,9	500	100	Ban QLDAXD huyện	
08	Xây dựng 06 phòng học lầu và các công trình phụ trợ Trường TH&THCS Phú Trung (điểm TH)	2.500	2.500	100,0	2.500	100	Ban QLDAXD huyện	
b	Công trình giao thông	3.000	3.000	100	3.000	100		
01	Đường ĐT.759 - ông Nhi (đoạn ông Sám đến ông Nhi)	3.000	3.000	100	3.000	100	Ban QLDAXD huyện	
c	Lĩnh vực QLNN	5.460	5.365	98,3	5.460	100		
01	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Trung	5.460	5.365	98,3	5.460	100	Ban QLDAXD huyện	
d	Bố trí tất toán công trình và các dự án khác	5.000		-	5.000	100		
I.1.2	Khởi công mới	2.440	-	-	2.440	100		
a	Khoa học công nghệ	2.440	-	-	2.440	100		
01	Triển khai hệ thống đèn chiếu sáng thông minh năm 2024	440	-	-	440	100	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
02	Lắp đặt và nâng cấp hệ thống giám sát camera an ninh, an toàn giao thông – Giai đoạn 2	2.000	-	-	2.000	100	Công an huyện	
I.2	Vốn sử dụng đất	20.580	6.273	30,5	20.314	99		
I.2.1	Đầu tư xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12.082	2.815	23,3	12.082	100		
a	Công trình hạ tầng kỹ thuật	109	109	100,0	109	100		
01	Sửa chữa, nâng cấp đường Long Hưng đi Long Bình (Đoạn đi qua thôn 6, 7 xã Long Hưng và thôn 11, xã Long Bình)	109	109	100	109	100	Ban QLDAXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
b	Nông thôn mới nâng cao xã Bình Tân	7.500		-	7.500	100		
1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng (có thiết bị)	1.515		-	1.515	100	Ban QLDAXD huyện	
2	Sửa chữa đường nhựa thôn Phước Hòa (đoạn từ cuối đường thôn Phước Lộc đến hết khu dân cư Bù Giảm)	400		-	400	100	UBND xã Bình Tân	
3	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ đường nhựa liên xã đến hết đường vào nhà văn hóa thôn)	176		-	176	100	UBND xã Bình Tân	
4	Nâng cấp sửa chữa đường nhựa thôn Phước Tân (đoạn từ ranh đất thị xã Phước Long đến ông Trịnh Văn Thành)	396		-	396	100	UBND xã Bình Tân	
5	Nâng cấp sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ bà Nguyễn Thị Phương đến ông Trần Văn Sỹ)	328		-	328	100	UBND xã Bình Tân	
6	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ ông Nguyễn Thọ Xuân đến nhà ông Hoàn Xuân Quý)	434		-	434	100	UBND xã Bình Tân	
7	Mở rộng cầu, gia cố lề đường GTNT tuyến nhánh qua khu dân cư thôn Phước Thịnh, xã Bình Tân	1.322		-	1.322	100	UBND xã Bình Tân	
8	Nâng cấp, sửa chữa các nhánh đường ngang khu dân cư thôn Phước Thịnh	266		-	266	100	UBND xã Bình Tân	
9	Láng nhựa đường thôn Phước Tân (đoạn từ hội trường thôn đến đất ông Trần Sỹ Thống)	1.141		-	1.141	100	UBND xã Bình Tân	
10	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Hiếu Phong (đoạn từ ông Bùi Phước Nhật đến nhà ông Phan Văn Siêu)	1.522		-	1.522	100	UBND xã Bình Tân	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
c	Hỗ trợ xây dựng đường BTXM theo cơ chế đặc thù	4.473	2.706	60,5	4.473	100		
01	Đường BTXM, GTNT thôn 2: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Đặng Văn Hiệu đến thửa đất ông Cao Văn Việt	147	-	-	147	100	UBND xã Long Hưng	
02	Đường BTXM, GTNT thôn 5: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Trần Sỹ Rạng đến thửa đất bà Nguyễn Thị Thuận (giáp cầu suối)	294	280	95,2	294	100	UBND xã Long Hưng	
03	Đường BTXM, GTNT thôn 5: Từ đường BTXM hiện hữu, tiếp giáp thửa đất bà Mai Thị Hoài đến thửa đất ông Trần Ngọc Cảnh	247	246	99,8	247	100	UBND xã Long Hưng	
04	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 8: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Phạm Biên Cương đến thửa đất bà Nguyễn Thị Kim Ba	332	249	75,1	332	100	UBND xã Long Bình	
05	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 11: Từ thửa đất ông Võ Minh Tâm đến thửa đất ông Nguyễn Đình Tự	257	193	75,2	257	100	UBND xã Long Bình	
06	Đường BTXM GTNT thôn Tân Long: Tiếp giáp đường nhựa từ thửa đất ông Trần Trọng Kim đến thửa đất ông Võ Văn Dũng	127	127	99,8	127	100	UBND xã Bù Nho	
07	Đường BTXM GTNT thôn Tân Phú: Tiếp giáp đường BTXM từ thửa đất ông Hà Đình Thuần đến thửa đất ông Nguyễn Xuân Hoàng	236	-	-	236	100	UBND xã Bù Nho	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
08	Mở rộng Đường BTXM GTNT, đường tổ Tân Hưng, thôn Tân Hiệp 1: Điểm đầu đường BTXM hiện hữu điểm cuối thửa đất bà Nguyễn Thị Bình	314	-	-	314	100	UBND xã Bù Nho	
09	Đường tổ Tân Hưng, thôn Tân Hiệp 1: Điểm đầu đường nhựa hiện hữu đến điểm cuối thửa đất ông Lê Văn Vương	106	-	-	106	100	UBND xã Bù Nho	
10	Làm sân bê tông xi măng Hội trường thôn Tân Hòa	15	15	100,0	15	100	UBND xã Bù Nho	
11	Làm sân BTXM hội trường thôn Tân Phước	50	23	46,6	50	100	UBND xã Bù Nho	
12	Tuyến đường BTXM GTNT thôn Phú Mang 3 - thôn Bù Ka: Đoạn từ thửa đất ông Điều Ná đến thửa đất ông Nguyễn Quang Khải	1.083	1.080	99,7	1.083	100	UBND xã Long Hà	
13	Đoạn BTXM vào nghĩa trang Nhân dân Trung tâm xã, thôn 4	30	29	96,3	30	100	UBND xã Long Hà	
14	Đường vào Nghĩa trang Nhân dân thôn 1	77	-	-	77	100	UBND xã Long Hà	
15	Tuyến đường BTXM GTNT, thôn Thanh Long: Đoạn từ thửa đất bà Trần Thị Lê đến thửa đất ông Cao Đình Tiến	256	-	-	256	100	UBND xã Long Hà	
16	Tuyến đường BTXM GTNT, thôn Phú Mang 1: Đoạn từ thửa đất ông Bùi Như Đào đến thửa đất ông Phạm Ngọc Cường	212	211	99,6	212	100	UBND xã Long Hà	
17	Đường bê tông xi măng, thôn 11: Đoạn từ thửa đất ông Nguyễn Hữu Bảo đến thửa đất ông Nguyễn Văn Hạ	109	-	-	109	100	UBND xã Long Hà	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
18	Tuyến đường BTXM GTNT thôn 8: Đoạn từ thửa đất ông Kiều Quang Mạnh đến thửa đất ông Nguyễn Dương Thực	103	-	-	103	100	UBND xã Long Hà	
19	Tuyến đường BTXM GTNT thôn 8: Đoạn từ thửa đất ông Kiều Văn Phần đến thửa đất ông Đỗ Hữu Tuệ	224	-	-	224	100	UBND xã Long Hà	
20	Tuyến đường BTXM thôn Phú Nghĩa: Đoạn từ thửa đất ông Lê Thành Tâm đến thửa đất ông Lê Hòa Khánh	78	78	99,6	78	100	UBND xã Phú Trung	
21	Tuyến đường BTXM thôn Phú Nghĩa: Đoạn từ thửa đất bà Đỗ Thị Như Ý đến thửa đất ông Trần Minh Tú	84	83	99,3	84	100	UBND xã Phú Trung	
22	Tuyến đường BTXM thôn Phú Lâm: Đoạn từ thửa đất ông Nguyễn Văn Dương đến thửa đất bà Trần Thị Hường	92	91	99,2	92	100	UBND xã Phú Trung	
I.2.2	Công trình chuyển tiếp	8.198	3.458	42,2	8.198	100		
a	Lĩnh vực QLNN	1.500	1.496	99,7	1.500	100		
01	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Trung	1.500	1.496	99,7	1.500	100	Ban QLDAXD huyện	
b	Công trình hạ tầng kỹ thuật	6.698	1.962	29,3	6.698	100		
01	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư Phú Riêng (13,9)ha	2.152	1.564	72,7	2.152	100	Ban QLDAXD huyện	
02	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư Phú Riêng (13,9ha)	600	-	-	600	100	Ban QLDAXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
03	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	1.000	-	-	1.000	100	Ban QLDAXD huyện	
04	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)- giai đoạn 2	1.000	-	-	1.000	100	Ban QLDAXD huyện	
05	Xây dựng hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9 ha)	1.946	397	20,4	1.946	100	Ban QLDAXD huyện	
I.2.3	Công trình khởi công mới	300	-	-	34	11		
a	Đổi ứng Chương trình PTKTXH vùng ĐBDT TS và MN	300	-	-	34	11		
01	Chưa phân khai	266		-		-		
02	Xây dựng 01 căn nhà cho Thị Cúc và Thị Men	4		-	4	100	UBND xã Long Tân	
03	Xây dựng sân khấu tại nhà văn hóa Thôn Bình Trung, xã Phước Tân	13,5		-	13,5	100	UBND xã Phước Tân	
04	Sửa chữa, nâng cấp hàng rào nhà văn hóa 02 thôn 5, xã Long Bình; thôn 6, xã Long Bình	13,5		-	13,5	100	UBND xã Long Bình	
05	Xây dựng 01 căn nhà cho Thị Hiền thuộc thôn Bình Minh xã Bình Sơn	2,0		-	2,0	100	UBND xã Bình Sơn	
06	Sửa chữa 01 căn nhà cho hộ cận nghèo Điều Cum thuộc thôn 2 xã Long Hà	1,0		-	1,0	100	UBND xã Long Hà	
I.3	Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học	14.000	4.105	29,3	14.000	100		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
01	Xây dựng 04 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà C (điểm thôn Phu Mang 1)	3.000	1.563	52,1	3.000	100	Ban QLDAXD huyện	
02	Xây dựng 10 phòng học lầu và công trình phụ trợ Trường TH Long Hà C	5.000	2.541	50,8	5.000	100	Ban QLDAXD huyện	
03	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường TH Vừ A Dính (điểm lẻ thôn 7)	2.300	-	-	2.300	100	Ban QLDAXD huyện	
04	Xây dựng 10 phòng học lầu trường TH và THCS Trần Phú(Điểm thôn Bình Trung)	850	-	-	850	100	Ban QLDAXD huyện	
05	Xây dựng 09 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà A	1.650		-	1.650	100	Ban QLDA XD huyện	
06	Bố trí tất toán công trình giáo dục	1.200		-	1.200	100		
I.4	Chương trình Nông thôn mới	53.638	27.548	51,4	48.900	91		
a	Xã Bình Tân	9.000	5.446	60,5	9.000	100		
01	Sửa chữa Hội trường UBND xã	491	488	99,3	491	100	UBND xã Bình Tân	
02	Đường BTXM thôn Phước An (Đoạn từ đường liên xã đến nhà bà Nguyễn Thị Thu)	81	-	-	81	100	UBND xã Bình Tân	
03	Đường BTXM thôn Phước Hòa (Đoạn từ ông Hoàng Sỹ Tới đến ông Lê Đức Tùng)	372	372	99,9	372	100	UBND xã Bình Tân	
04	Đường BTXM thôn Phước Tân (Đoạn từ đất ông Trần Quang Duy đến ông Phạm Hồng Đức)	335	335	100	335	100	UBND xã Bình Tân	
05	Đường BTXM thôn Phước Thịnh: Đoạn đường nội bộ nghĩa trang Phước Thịnh và Phước An (Chiều dài 100m)	38	-	-	38	100	UBND xã Bình Tân	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
06	Đường BTXM thôn Phước Thịnh: Đoạn từ ông Nguyễn Tiến Dũng đến ông Nguyễn Viết Xuân (chiều dài 70m)	39	-	-	39	100	UBND xã Bình Tân	
07	Đường BTXM thôn Phước Hòa (Đoạn từ ông Vũ Văn Hợp đến ông Ngô Quang Lực)	79	-	-	79	100	UBND xã Bình Tân	
08	Xây dựng nhà thi đấu đa năng (có thiết bị)	1.500	1.000	66,7	1.500	100	Ban QLDAXD huyện	
09	Sửa chữa đường nhựa thôn Phước Hòa (đoạn từ cuối đường thôn Phước Lộc đến hết khu dân cư Bù Giảm)	1.000	559	55,9	1.000	100	UBND xã Bình Tân	
10	Nâng cấp, sửa chữa các nhánh đường ngang khu dân cư thôn Phước Thịnh	700	383	54,6	700	100	UBND xã Bình Tân	
11	Đường BTXM thôn Bình Hiếu: + Đoạn từ ông Khuất Đức Hải đến ông Bùi Văn Mót chiều dài 480m; + Đoạn từ ông Nguyễn Văn Dân đến ông Ung Lắm chiều dài 100m	303	-	-	303	100	UBND xã Bình Tân	
12	Láng nhựa đường thôn Phước Tân (đoạn từ hội trường thôn đến đất ông Trần Sỹ Thống)	685	135	19,7	685	100	UBND xã Bình Tân	
13	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Hiếu Phong (đoạn từ ông Bùi Phước Nhật đến nhà ông Phan Văn Siêu)	878	757	86,2	878	100	UBND xã Bình Tân	
14	Mua sắm màn hình LED cho nhà văn hóa UBND xã	199	-	-	199	100	UBND xã Bình Tân	
15	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ đường nhựa liên xã đến hết đường vào nhà văn hóa thôn)	350	208	59,4	350	100	UBND xã Bình Tân	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
16	Nâng cấp sửa chữa đường nhựa thôn Phước Tân (đoạn từ ranh đất thị xã Phước Long đến ông Trịnh Văn Thành)	800	465	58,2	800	100	UBND xã Bình Tân	
17	Nâng cấp sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ bà Nguyễn Thị Phương đến ông Trần Văn Sỹ)	350	269	76,8	350	100	UBND xã Bình Tân	
18	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ ông Nguyễn Thọ Xuân đến nhà ông Hoàn Xuân Quý)	800	476	59,5	800	100	UBND xã Bình Tân	
b	Xã Long Tân	4.200	846	20,1	4.200	100		
01	Tuyến đường BTXM GTNT Thôn 1: Đoạn từ thửa đất ông Phùng Đức Ván đến thửa đất ông Tạ Quan Sốt	201	201	100	201	100	UBND xã Long Tân	
02	Tuyến đường BTXM GTNT Thôn 3: Đoạn từ thửa đất ông Nguyễn Văn Xuân Ca đến thửa đất ông Nguyễn Văn Duyến	201	201	100	201	100	UBND xã Long Tân	
03	Tuyến đường BTXM GTNT Thôn 7: Đoạn từ thửa đất ông Huỳnh Đức Phong đến thửa đất ông Nguyễn Quang Dầu	218	218	100	218	100	UBND xã Long Tân	
04	Tuyến đường BTXM GTNT Thôn 3: Đoạn từ thửa đất ông Lâm Thành Tuyển đến thửa đất ông Mai Văn An	226	226	100	226	100	UBND xã Long Tân	
05	Giải phóng mặt bằng và mở rộng đường giao thông từ xã kết nối cầu Long Tân - Long Hà	2.354	-	-	2.354	100	UBND xã Long Tân	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
06	Giải phóng mặt bằng và mở rộng đường giao thông thôn 7, xã Long Tân từ km0+600 đường Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản kết nối với ĐT758	1.000	-	-	1.000	100	UBND xã Long Tân	
c	Xã Long Bình	4.200	695	16,6	4.200	100		
01	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 1: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Nguyễn Ngọc Mai đến thửa đất ông Nguyễn Văn Nhung	277	276	99,7	277	100	UBND xã Long Bình	
02	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 6: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Ngô Văn Thoại đến thửa đất ông Nguyễn Như Thụy	332	332	100,0	332	100	UBND xã Long Bình	
03	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 3: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Mai Văn Nhi đến thửa đất ông Lê Văn Chính	230	-	-	230	100	UBND xã Long Bình	
04	Đường BTXM vào điểm Trường và hàng rào Trường tiểu học Vừ A Dính (điểm lẻ thôn 7) xã Long Bình	727	87	12,0	727	100	UBND xã Long Bình	
05	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường kết nối ĐT 757 với đường từ xã Đakia huyện Bù Gia Mập về xã LongHưng, Long Bình huyện Phú Riềng	2.634	-	-	2.634	100	UBND xã Long Bình	
d	Xã Phú Riềng	2.000	422	21,1	2.000	100		
01	Tuyến đường BTXM GTNT thôn Phú Tân: Đoạn đường từ thửa đất ông Ngô Minh đến thửa đất ông Lại Ngọc Hoàng	78	78	99,4	78	100	UBND xã Phú Riềng	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
02	Tuyến đường BTXM GTNT thôn Phú Thuận: Đoạn đường từ thửa đất ông Hoàng Văn Phú đến thửa đất ông Bùi Văn Hưng	58	58	100,0	58	100	UBND xã Phú Riềng	
03	Tuyến đường BTXM GTNT tại thôn Phú Tân: Đoạn từ thửa đất ông Dương Văn Đồng đến thửa đất bà Nguyễn Thị Thủy	102	8	7,9	102	100	UBND xã Phú Riềng	
04	Mở rộng đường BTXM GTNT thôn Phú Tân: đoạn từ đất nhà ông Ngô Văn Cư đến đất nhà ông Phan Văn Nho (tổ 2,3)	279	279	99,8	279	100	UBND xã Phú Riềng	
05	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hệ thống thoát nước dọc vành đai suối Dên, xã Phú Riềng	1.483	-	-	1.483	100	UBND xã Phú Riềng	
d	Xã Long Hà	1.000	-	-	1.000	100		
	Nâng cấp, mở rộng đường thôn Phú Mang 1 và kết nối với đường dọc Sông Bé - xã Long Hà	1.000	-		1.000	100	UBND xã Long Hà	
e	Xã Phú Trung	1.000	508	50,8	1.000	100		
01	Xây dựng 04 phòng chăm sóc nuôi dưỡng, Hành chính quản trị và các công trình phụ Trường Mẫu giáo Phú Trung	705,5	508	72,0	705,5	100	Ban QLDAXD huyện	
02	Sửa chữa Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ và các công trình phụ xã Phú Trung	294,5	-	-	294,5	100	UBND xã Phú Trung	
f	Xã Phước Tân	1.000	-	-	1.000	100		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
01	Nâng cấp đường N6 (từ đường ĐT 759 đến cổng UBND xã) và đường D2 (sau lưng UBND xã)	1.000	-	-	1.000	100	UBND xã Phước Tân	
h	Huyện nông thôn mới	31.238	19.631	62,8	26.500	85		
01	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân (Giai đoạn 2)	8.500	6.115	71,9	8.500	100	Ban QLDAXD huyện	
02	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Bù Ka 2, xã Long Hà	1.900	1.900	100	1.900	100	Ban QLDAXD huyện	
03	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối xã Đa Kì (Suối Cát giáp ranh với huyện Bù Gia Mập) với xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng	9.800	6.216	63,4	7.800	80	Ban QLDAXD huyện	
04	Nâng cấp láng nhựa đường liên xã tại Km6+400 đường Bù Nho - Phước Tân với đường liên xã Bình Tân đi thôn Bình Trung, xã Phước Tân tại Km5+600	7.038	3.662	52,0	4.300	61	Ban QLDAXD huyện	
05	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Bình Tân đi Thác Ba (Đoạn qua Khu dân cư thôn Phước Thịnh, xã Bình Tân)	3.000	1.738	57,9	3.000	100	Ban QLDAXD huyện	
06	Mở rộng cầu, gia cố lề đường GTNT tuyến nhánh qua khu dân cư thôn Phước Thịnh, xã Bình Tân	1.000	-	-	1.000	100	UBND xã Bình Tân	
I.5	Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS	4.048	-	-	748	18,5		
01	Xây dựng 02 căn nhà cho Thị Cúc và Thị Men	88		-	88	100	UBND xã Long Tân	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
02	Xây dựng sân khấu tại nhà văn hóa Thôn Bình Trung, xã Phước Tân	297		-	297	100	UBND xã Phước Tân	
03	Sửa chữa, nâng cấp hàng rào nhà văn hóa 02 thôn 5, xã Long Bình; thôn 6, xã Long Bình	297		-	297	100	UBND xã Long Bình	
04	Xây dựng 01 căn nhà cho Thị Hiền thuộc thôn Bình Minh xã Bình Sơn	44		-	44	100	UBND xã Bình Sơn	
05	Sửa chữa 01 căn nhà cho hộ cận nghèo Điều Cum thuộc thôn 2 xã Long Hà	22		-	22	100	UBND xã Long Hà	
06	Chưa phân khai	3.300		-				
II	Vốn tỉnh quản lý	127.010	78.696	62,0	127.010	100		
II.1	Xổ số kiến thiết	60.000	50.000	83,3	60.000	100		
01	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	50.000	50.000	100	50.000	100	Ban QLDAXD huyện	
02	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	10.000		-	10.000	100	Ban QLDAXD huyện	
II.2	Sử dụng đất	67.010	28.696	42,8	67.010	100		
01	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	20.000	6.417	32,1	20.000	100	Ban QLDAXD huyện	
02	XD đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	20.000	15.675	78,4	20.000	100	Ban QLDAXD huyện	
03	XD đường kết nối liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hơn Quản)	25.400	5.000	19,7	25.400	100	Ban QLDAXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
04	Xây dựng nhà đa năng và hạ tầng Trường trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	1.610	1.604	99,6	1.610	100	Ban QLDAXD huyện	
III	Vốn huyện giao	96.205	36.406	37,8	96.205	100,00		
III.1	Vốn tỉnh hỗ trợ chi đầu tư phát triển	86.400	36.406	42,1	86.400	100		
III.1.1	Công trình chuyển tiếp	63.173	24.581	38,9	63.173	100		
01	Xây dựng đường dọc hướng Sông Bé kết nối Đồng Xoài –Đồng Phú –Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (Ranh huyện Phú Riềng đi về đường ĐT 757, huyện Phú Riềng) - Giai đoạn 1	15.000	7.763	51,8	15.000	100	Ban QLDAXD huyện	
02	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Long Bình, huyện Phú Riềng	7.000	297	4,2	7.000	100	Ban QLDAXD huyện	
03	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	8.400	6.633	79,0	8.400	100	Ban QLDAXD huyện	
04	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ công trình dọc sông bé giai đoạn 2	9.000	1.319	14,7	9.000	100	Ban QLDAXD huyện	
05	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	8.000	-	-	8.000	100	Ban QLDAXD huyện	
06	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư Phú Riềng (13,9)ha	6.000	-	-	6.000	100	Ban QLDAXD huyện	
07	Xây dựng hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9 ha)	2.800	1.746	62,3	2.800	100	Ban QLDAXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
08	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Bù Ka 2, xã Long Hà	3.150	3.000	95,2	3.150	100	Ban QLDAXD huyện	
09	Sửa chữa, nâng cấp đường Long Hưng đi Long Bình (Đoạn đi qua thôn 6, 7 xã Long Hưng và thôn 11, xã Long Bình)	3.823	3.823	100	3.823	100	Ban QLDAXD huyện	
III.1.2	Công trình khởi công mới	23.227	11.825	50,9	23.227	100		
a	Lĩnh vực giao thông	19.627	11.825	60,2	19.627	100		
01	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 3)	13.000	8.149	62,7	13.000	100	Ban QLDAXD huyện	
02	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 4)	1.000	-	-	1.000	100	Ban QLDAXD huyện	
03	Nâng cấp, mở rộng đường từ thôn Phú Nghĩa (ĐH.312) đi ra QL.14, xã Phú Trung	1.627	1.627	100,0	1.627	100	Ban QLDAXD huyện	
04	Nâng cấp thảm nhựa đường từ Phú Riêng đi cầu Long Tân (đoạn từ km7+00 đường kết nối Phú Riêng - cầu Long Tân - Tân Hưng tới đường 327 xã Long Tân)	4.000	2.048	51,2	4.000	100	Ban QLDAXD huyện	
b	Lĩnh vực giáo dục	3.600	-	-	3.600	100		
01	Mua sắm thiết bị và sửa chữa các trường học trên địa bàn huyện năm 2024	3.600	-	-	3.600	100	Phòng Giáo dục và Đào tạo	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
III.2	Tồn xây dựng cơ bản các năm trước	5.826	-	-	5.826	100		
01	Xây dựng cống qua suối Đá Bàn đường liên xã Long Hưng đi Long Bình	1.800		-	1.800	100	Ban QLDAXD huyện	
02	Nâng cấp thảm nhựa đường từ Phú Riềng đi cầu Long Tân (đoạn từ km7+00 đường kết nối Phú Riềng - cầu Long Tân - Tân Hưng tới đường 327 xã Long Tân)	1.000		-	1.000	100	Ban QLDAXD huyện	
03	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Trung	982		-	982	100	Ban QLDAXD huyện	
04	Xây dựng đường kết nối từ đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng huyện Hớn Quản	903		-	903	100	Ban QLDAXD huyện	
05	Chi phí giải phóng mặt bằng và thực hiện dự án mở rộng đầu tuyến đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	1.141		-	1.141	100	Ban QLDAXD huyện	
III.3	Vốn tính bổ sung hụt thu cân đối năm 2023	3.979	-	-	3.979	100		Chưa phân khai
01	Xây dựng hàng rào nhà văn hóa thôn Phước Tân	90		-	90	100	UBND xã Bình Tân	
02	Sửa chữa, mua sắm thiết bị nhà văn hóa xã Bình Tân	1.771		-	1.771	100	UBND xã Bình Tân	
03	Chưa phân khai	2.118			2.118	100		
B	VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2024	105.043	50.206	47,80	98.525	93,79		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
I	XDCB tập trung	3.888	1.060	27,27	3.888	100		
1	Xây dựng trụ sở UBND xã Long Hà và các hạng mục phụ	900	-	-	900	100	Ban QLDA XD huyện	
2	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH và THCS Bình Sơn	119	-	-	119	100	Ban QLDA XD huyện	
3	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường TH và THCS Trần Phú (Điểm chính)	217	217	100,00	217	100	Ban QLDA XD huyện	
4	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Vĩnh Khuyên	1.652	344	20,81	1.652	100	Ban QLDA XD huyện	
5	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 3)	300	300	100	300	100	Ban QLDA XD huyện	
6	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 4)	500	-	-	500	100	Ban QLDA XD huyện	
7	Nâng cấp, mở rộng đường từ thôn Phú Nghĩa (ĐH.312) đi ra QL.14, xã Phú Trung	200	200	100,00	200	100	Ban QLDA XD huyện	
II	Sử dụng đất	22.661	8.940	39,45	17.451	77		
1	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH&THCS Phú Trung	29	-	-	29	100	Ban QLDA XD huyện	
2	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6a (N4 - D9), D9 (từ D6 - D7) TTHC huyện Phú Riềng	456	3.180	697,83	456	100	Ban QLDA XD huyện	
3	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	3.180	1.700	53,47	3.180	100	Ban QLDA XD huyện	
4	Xây dựng đường từ trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân, huyện Phú Riềng	5.000	-	-	5.000	100	Ban QLDA XD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
5	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	1.700	-	-	1.700	100	Ban QLDA XD huyện	
6	Xây dựng kè, tường chắn bảo vệ chân móng cầu Long Tân - Tân Hưng (Hơn Quán)	124	-	-	124	100	Ban QLDA XD huyện	
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính xã Long Tân của khu phân lô đất ở từ cụm B1, B2 và B3	1.197	1.197	100,00	1.197	100	Ban QLDA XD huyện	
8	Xây dựng đường liên xã Long Bình đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	6.710	-	-	1.500	22	Ban QLDA XD huyện	
9	Nâng cấp mở rộng đường trước UBND xã Long Tân đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	464	-	-	464	100	Ban QLDA XD huyện	
10	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Trung	96	96	100,00	96	100	Ban QLDA XD huyện	
11	Xây dựng 06 phòng học lầu trường Mẫu giáo Phú Riềng Đỏ	3.227	2.618	81,14	3.227	100	Ban QLDA XD huyện	
12	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	366	100	27,31	366	100	Ban QLDA XD huyện	
13	Xây dựng 04 phòng học lầu trường Tiểu học Phú Riềng A	50	50	100,00	50	100	Ban QLDA XD huyện	
14	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số của Công an huyện Phú Riềng	64	-	-	64	100	CA huyện	
III	Tính hỗ trợ xây dựng phòng học	9.396	5.268	56,06	8.486	90		
1	Xây dựng 04 phòng học lầu trường MG Tuổi Thơ (Điểm lẻ thôn 9)	105	102	96,88	105	100	Ban QLDA XD huyện	
2	Xây dựng 04 phòng học lầu trường Tiểu học Phú Riềng A	746	746	100,00	746	100	Ban QLDA XD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
3	Xây dựng 10 phòng học lầu trường TH Long Hưng	3.545	2.760	77,86	3.545	100	Ban QLDA XD huyện	
4	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	1.500	-	-	1.500	100	Ban QLDA XD huyện	
5	Xây dựng 16 phòng học lầu trường Mẫu giáo Long Hà	730	-	-	730	100	Ban QLDA XD huyện	
6	Xây dựng 04 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà C (điểm thôn Phú Mang 1)	530	530	100	530	100	Ban QLDA XD huyện	
7	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Tiểu học Phú Riềng B (điểm trường thôn Phú Bình)	430	-	-	-	-	Ban QLDA XD huyện	
8	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường TH và THCS Bình Sơn (điểm chính)	530	530	100	530	100	Ban QLDA XD huyện	
9	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, xã Long Bình	480	-	-		-	Ban QLDA XD huyện	
10	Xây dựng 10 phòng học lầu và công trình phụ trợ Trường TH Long Hà C	600	600	100	600	100	Ban QLDA XD huyện	
12	Mua sắm thiết bị và sửa chữa các trường học trên địa bàn huyện năm 2024	200	-	-	200	100	Phòng Giáo dục và đào tạo	
IV	Chương trình Nông thôn mới	7.212	2.244	31,12	7.212	100		
3	Xây dựng 08 phòng học lầu, nhà vệ sinh Trường Tiểu học Lê Hoàn	95	-	-	95	100	Ban QLDA XD huyện	
3	Xây dựng nhà làm việc công an, xã đội xã Long Bình	39	-	-	39	100	Ban QLDA XD huyện	
1	Đường GTNT từ thôn Phú Bình đến trung tâm xã: Đoạn 2: từ QL14 đến tiếp giáp ĐT.753B dài 500m	183	183	100,00	183	100	Ban QLDA XD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
5	Đường từ cao su NT Nghĩa Trung - ông Hoàng	2	-	-	2	100	UBND xã Phước Tân	
4	Đường vào dốc đất (đoạn từ bà Thạch - ông Tài	2	-	-	2	100	UBND xã Phước Tân	
1	Láng nhựa đường thôn 5 xã Long Tân	8	-	-	8	100	UBND xã Long Tân	
6	Láng nhựa từ đường ĐT757B vào thôn Phú Mang 1 xã Long Hà	373	372	99,85	373	100	UBND xã Long Hà	
4	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 8, từ nhà ông Nguyễn Minh Thu đến đường ĐT 757	21	-	-	21	100	Ban QLDA XD huyện	
9	Nhà văn hoá thể thao Phú Châu	30	20	67,39	30	100	UBND xã Bình Sơn	
10	Nhà văn hoá thể thao thôn Sơn Hà 1	21	10	46,88	21	100	UBND xã Bình Sơn	
8	Nhà văn hoá thôn Bình Minh	24	20	84,58	24	100	UBND xã Bình Sơn	
7	Nhà văn hoá thôn Sơn Hà 2	72	52	72,98	72	100	UBND xã Bình Sơn	
9	Sửa chữa hội trường trung tâm xã, trụ sở UBND xã	25	-	-	25	100	UBND xã Phước Tân	
3	Sửa chữa nhà văn hoá thôn Bàu Đĩa và các công trình phụ trợ	3	-	-	3	100	UBND xã Phước Tân	
8	Sửa chữa nhà văn hoá thôn Bình Trung và các công trình phụ trợ	3	-	-	3	100	UBND xã Phước Tân	
7	Sửa chữa nhà văn hoá thôn Đồng Tháp và các công trình phụ trợ	3	-	-	3	100	UBND xã Phước Tân	
6	Sửa chữa nhà văn hoá thôn Đồng Tiến và các công trình phụ trợ	3	-	-	3	100	UBND xã Phước Tân	
11	Xây dựng 02 phòng học và công trình phụ trợ Trường TH và THCS Phú Trung (điểm thôn Phú Tiến)	101	101	100	101	100	Ban QLDA XD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
2	Xây dựng 04 phòng chăm sóc nuôi dưỡng, Hành chính quản trị và các công trình phụ Trường Mẫu giáo Phú Trung	296	296	100	296	100	Ban QLDA XD huyện	
10	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Phước Tân	258	258	100	258	100	Ban QLDA XD huyện	
12	Xây dựng 04 phòng học lầu và phòng giáo viên Trường TH và THCS Trần Phú (điểm trường THCS)	181	181	100	181	100	Ban QLDA XD huyện	
4	Xây dựng 05 phòng chức năng trạm y tế xã Long Tân	72	-	-	72	100	UBND xã Long Tân	
12	Xây dựng 06 phòng học lầu trường TH và THCS Bình Sơn (điểm chính)	2.700	-	-	2.700	100	Ban QLDA XD huyện	
11	Xây dựng 06 phòng học lầu và công trình phụ Trường Mẫu giáo Bình Minh	254	254	100	254	100	Ban QLDA XD huyện	
2	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường Tiểu học Long Tân	600	497	82,79	600	100	Ban QLDA XD huyện	
2	Xây dựng hàng rào nghĩa trang nhân dân xã Long Tân	9	-	-	9	100	UBND xã Long Tân	
5	Xây dựng mương thoát nước thôn 4, thôn 3 xã Long Bình	116	-	-	116	100	UBND xã Long Bình	
7	Xây dựng nhà làm việc công an, xã đội xã Long Hà	550	-	-	550	100	Ban QLDA XD huyện	
8	Xây dựng trụ sở UBND xã Long Hà và các hạng mục phụ	1.168	-	-	1.168	100	Ban QLDA XD huyện	
V	Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS	389	-	-	103	26		
1	Xây dựng nhà sân khấu tại Nhà văn hóa thôn 6, xã Long Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	4	-	-	4	100	Phòng LĐ, TB&XH	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
2	Đường bê tông xi măng cấp C dài 759m, tại thôn 5, xã Long Bình	17	-	-	17	100	UBND xã Long Bình	
1	Xây dựng nhà sân khấu tại Nhà văn hóa thôn 6, xã Long Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	1	-	-	1	100	Phòng LĐ, TB&XH	
2	Hỗ trợ tiền về mua đất ở cho 02 hộ Điều Kha và Điều Dinh	8	-	-	8	100	UBND xã Long Tân	
3	CT MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 chuyển sang năm 2024 - Huyện Phú Riềng	124	-	-		-		
1	Xây dựng nhà sân khấu tại Nhà văn hóa thôn 6, xã Long Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	4	-	-	4	100	Phòng LĐ, TB&XH	
2	Đầu tư kéo điện trung thế tại thôn 6 xã Long Tân	70	-	-	70	100	Phòng LĐ, TB&XH	
3	CT MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 chuyển sang năm 2024 - Huyện Phú Riềng	163	-	-		-		
VI	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	112	-	-		-		
1	Chương trình giảm 1000 hộ nghèo năm 2023 chuyển sang năm 2024	7	-	-		-		
2	Các dự án chương trình MTQG chương phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 chưa được phân bổ huyện	23	-	-		-		
3	CT MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 chuyển sang năm 2024	82	-	-		-		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
B	Ngân sách huyện	61.385	32.694	53,26	61.385	100		
1	Nâng cấp thảm nhựa, lát vỉa hè Đường ĐH312 đoạn trước đền thờ Vua Hùng - huyện Phú Riềng	1.304	-	-	1.304	100	Ban QLDA XD huyện	
2	Xây dựng đường từ trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân, huyện Phú Riềng	5.637	-	-	5.637	100	Ban QLDA XD huyện	
3	Giải phóng mặt bằng, ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường từ dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	6.694	-	-	6.694	100	Ban QLDA XD huyện	
4	Xây dựng đường liên xã Long Bình đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	153	146	95,41	153	100	Ban QLDA XD huyện	
5	Xây dựng đường dọc hướng Sông Bé kết nối Đồng Xoài –Đồng Phú –Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (Ranh huyện Phú Riềng đi về đường ĐT 757, huyện Phú Riềng) - Giai đoạn 1	7.237	7.237	100	7.237	100	Ban QLDA XD huyện	
6	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Long Bình, huyện Phú Riềng	1.247	1.247	100	1.247	100	Ban QLDA XD huyện	
7	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	247	191	77,22	247	100	Ban QLDA XD huyện	
8	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	310	307	99,13	310	100	Ban QLDA XD huyện	
9	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 2)	6.472	6.472	100	6.472	100	Ban QLDA XD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
10	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6a (N4 - D9), D9 (từ D6 - D7) TTHC huyện Phú Riềng	2.500	-	-	2.500	100	Ban QLDA XD huyện	
11	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	1.500	-	-	1.500	100	Ban QLDA XD huyện	
12	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường gom (đoạn 2) và đường ĐT.741 TTHC huyện Phú Riềng	2.500	-	-	2.500	100	Ban QLDA XD huyện	
13	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, trạm biến áp khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	2.000	-	-	2.000	100	Ban QLDA XD huyện	
14	Xây dựng hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 3)	1.500	-	-	1.500	100	Ban QLDA XD huyện	
15	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	1.058	1.058	100	1.058	100	Ban QLDA XD huyện	
16	Xây dựng hệ thống thoát nước từ TTHC huyện về Suối Rạt, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	1.000	-	-	1.000	100	Ban QLDA XD huyện	
17	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	1.000	1.000	100	1.000	100	Ban QLDA XD huyện	
18	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính xã Long Tân của khu phân lô đất ở từ cụm B1, B2 và B3	255	255	100	255	100	Ban QLDA XD huyện	
19	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	2.728	8	0,29	2.728	100	Ban QLDA XD huyện	
20	Giải phóng mặt bằng dự án XD Cầu Long Tân - Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	34	-	-	34	100	Ban QLDA XD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Chủ đầu tư	Ghi chú
21	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư Phú Riềng (13,9)ha	477	477	100	477	100	Ban QLDA XD huyện	
22	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân (Giai đoạn 2)	8.537	8.537	100	8.537	100	Ban QLDA XD huyện	
23	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)- giai đoạn 2	703	18	2,55	703	100	Ban QLDA XD huyện	
24	Xây dựng hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9)ha	236	236	100	236	100	Ban QLDA XD huyện	
25	Xây dựng 6 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH và THCS Bình Sơn (cấp TH điểm lẻ thôn Bình Minh)	2.254	1.993	88,41	2.254	100	Ban QLDA XD huyện	
26	Xây dựng 06 phòng học lầu và công trình phụ Trường Mẫu giáo Bình Minh	3.800	3.511	92,38	3.800	100	Ban QLDA XD huyện	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)

Chủ đầu tư: Ban QLDAXD huyện

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	393.173	209.677	53,3	393.173	100	
A	KẾ HOẠCH NĂM 2024	289.662	159.946	55,2	289.662	100	
I	Xây dựng cơ bản tập trung	18.960	16.034	84,6	18.960	100	
I.1	Công trình chuyển tiếp	18.960	16.034	84,6	18.960	100	
01	Xây dựng 02 phòng học và công trình phụ trợ Trường TH và THCS Phú Trung (điểm thôn Phú Tiến)	1.000	1.000	100	1.000	100	
02	Xây dựng 04 phòng chăm sóc nuôi dưỡng, Hành chính quản trị và các công trình phụ Trường Mẫu giáo Phú Trung	2.500	108	4,3	2.500	100	
03	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Phước Tân	1.000	932	93,2	1.000	100	
04	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Tiểu học Phú Riêng A	500	500	100	500	100	
05	Xây dựng 04 phòng học lầu và phòng giáo viên Trường TH và THCS Trần Phú (điểm trường THCS)	2.000	1.999	100	2.000	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
06	Xây dựng 06 phòng học lầu trường Mẫu giáo Phú Riềng Đỏ	500	500	100	500	100	
07	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Vĩnh Khuyên	500	130	25,9	500	100	
08	Xây dựng 06 phòng học lầu và các công trình phụ trợ Trường TH&THCS Phú Trung (điểm TH)	2.500	2.500	100	2.500	100	
09	Đường ĐT.759 - ông Nhi (đoạn ông Sám đến ông Nhi)	3.000	3.000	100	3.000	100	
10	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Trung	5.460	5.365	98,3	5.460	100	
II	Vốn sử dụng đất	9.822	3.567	36,3	9.822	100	
II.1	Công trình chuyển tiếp	8.307	3.567	42,9	8.307	100	
01	Sửa chữa, nâng cấp đường Long Hưng đi Long Bình (Đoạn đi qua thôn 6, 7 xã Long Hưng và thôn 11, xã Long Bình)	109	109	100	109	100	
02	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư Phú Riềng (13,9)ha	2.152	1.564	72,7	2.152	100	
03	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	600	-	-	600	100	
04	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	1.000	-	-	1.000	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
05	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)- giai đoạn 2	1.000	-	-	1.000	100	
06	Xây dựng hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9 ha)	1.946	397	20,4	1.946	100	
07	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Trung	1.500	1.496	99,7	1.500	100	
II.2	Công trình khởi công mới	1.515	-	-	1.515	100	
1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng (có thiết bị)	1.515		-	1.515	100	
III	Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học	12.800	4.105	32,1	12.800	100	
01	Xây dựng 04 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà C (điểm thôn Phú Mang 1)	3.000	1.563	52,1	3.000	100	
02	Xây dựng 10 phòng học lầu và công trình phụ trợ Trường TH Long Hà C	5.000	2.541	50,8	5.000	100	
03	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường TH Vừ A Dính (điểm lẻ thôn 7)	2.300	-	-	2.300	100	
04	Xây dựng 10 phòng học lầu trường TH và THCS Trần Phú(Điểm thôn Bình Trung)	850	-	-	850	100	
05	Xây dựng 09 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà A	1.650	-	-	1.650	100	
IV	Chương trình Nông thôn mới	32.444	21.139	65,2	32.444	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
01	Xây dựng nhà thi đấu đa năng (có thiết bị)	1.500	1.000	66,7	1.500	100	
02	Xây dựng 04 phòng chăm sóc nuôi dưỡng, Hành chính quản trị và các công trình phụ Trường Mẫu giáo Phú Trung	705,5	508,0	72,0	705,5	100	
03	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân (Giai đoạn 2)	8.500	6.115	71,9	8.500	100	
04	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Bù Ka 2, xã Long Hà	1.900	1.900	100	1.900	100	
05	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối xã Đa Kia (Suối Cát giáp ranh với huyện Bù Gia Mập) với xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng	9.800	6.216	63,4	9.800	100	
06	Nâng cấp láng nhựa đường liên xã tại Km6+400 đường Bù Nho - Phước Tân với đường liên xã Bình Tân đi thôn Bình Trung, xã Phước Tân tại Km5+600	7.038	3.662	52,0	7.038	100	
07	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Bình Tân đi Thác Ba (Đoạn qua Khu dân cư thôn Phước Thịnh, xã Bình Tân)	3.000	1.738	57,9	3.000	100	
V	Vốn tỉnh quản lý	127.010	78.696	62,0	127.010	100	
01	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	50.000	50.000	100	50.000	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
02	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	10.000	-	-	10.000	100	
03	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	20.000	6.417	32,1	20.000	100	
04	XD đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	20.000	15.675	78,4	20.000	100	
05	XD đường kết nối liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	25.400	5.000	19,7	25.400	100	
06	Xây dựng nhà đa năng và hạ tầng Trường trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	1.610	1.604	99,6	1.610	100	
VI	Vốn tỉnh hỗ trợ chi đầu tư phát triển	82.800	36.406	44,0	82.800	100	
VI.1	Công trình chuyển tiếp	63.173	24.581	38,9	60.173	95	
01	Xây dựng đường dọc hướng Sông Bé kết nối Đồng Xoài –Đồng Phú –Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (Ranh huyện Phú Riềng đi về đường ĐT 757, huyện Phú Riềng) - Giai đoạn 1	15.000	7.763	51,8	15.000	100	
02	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Long Bình, huyện Phú Riềng	7.000	297	4,2	7.000	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
03	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	8.400	6.633	79,0	8.400	100	
04	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ công trình dọc sông bé giai đoạn 2	9.000	1.319	14,7	9.000	100	
05	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	8.000	-	-	8.000	100	
06	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư Phú Riềng (13,9)ha	6.000	-	-	3.000	50	
07	Xây dựng hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9 ha)	2.800	1.746	62,3	2.800	100	
08	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Bù Ka 2, xã Long Hà	3.150	3.000	95,2	3.150	100	
09	Sửa chữa, nâng cấp đường Long Hưng đi Long Bình (Đoạn đi qua thôn 6, 7 xã Long Hưng và thôn 11, xã Long Bình)	3.823	3.823	100	3.823	100	
VI.2	Công trình khởi công mới	19.627	11.825	60,2	22.627	115	
01	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 3)	13.000	8.149	62,7	9.000	69	
02	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 4)	1.000	-	-	8.000	800	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
03	Nâng cấp, mở rộng đường từ thôn Phú Nghĩa (ĐH.312) đi ra QL.14, xã Phú Trung	1.627	1.627	100,0	1.627	100	
04	Nâng cấp thảm nhựa đường từ Phú Riềng đi cầu Long Tân (đoạn từ km7+00 đường kết nối Phú Riềng - cầu Long Tân - Tân Hưng tới đường 327 xã Long Tân)	4.000	2.048	51,2	4.000	100	
VII	Tồn xây dựng cơ bản các năm trước	5.826	-	-	5.826	100	
01	Xây dựng cống qua suối Đá Bàn đường liên xã Long Hưng đi Long Bình	1.800	-	-	1.800	100	
02	Nâng cấp thảm nhựa đường từ Phú Riềng đi cầu Long Tân (đoạn từ km7+00 đường kết nối Phú Riềng - cầu Long Tân - Tân Hưng tới đường 327 xã Long Tân)	1.000	-	-	1.000	100	
03	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Trung	982	-	-	982	100	
04	Xây dựng đường kết nối từ đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng huyện Hớn Quản	903	-	-	903	100	
05	Chi phí giải phóng mặt bằng và thực hiện dự án mở rộng đầu tuyến đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	1.141	-	-	1.141	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
B	VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2024	103.511	49.731	48,04	103.511	100	
1	Xây dựng trụ sở UBND xã Long Hà và các hạng mục phụ	900	-	-	900	100	
2	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH và THCS Bình Sơn	119	-	-	119	100	
3	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường TH và THCS Trần Phú (Điểm chính)	217	217	100,00	217	100	
4	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	1.652	344	20,81	1.652	100	
5	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 3)	300	300	100	300	100	
6	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 4)	500	-	-	500	100	
7	Nâng cấp, mở rộng đường từ thôn Phú Nghĩa (ĐH.312) đi ra QL.14, xã Phú Trung	200	200	100,00	200	100	
8	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH&THCS Phú Trung	29	-	-	29	100	
9	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6a (N4 - D9), D9 (từ D6 - D7) TTHC huyện Phú Riềng	456	3.180	697,83	456	100	
10	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	3.180	1.700	53,47	3.180	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
11	Xây dựng đường từ trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân, huyện Phú Riềng	5.000	-	-	5.000	100	
12	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	1.700	-	-	1.700	100	
13	Xây dựng kè, tường chắn bảo vệ chân mố cầu Long Tân - Tân Hưng (Hón Quán)	124	-	-	124	100	
14	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính xã Long Tân của khu phân lô đất ở từ cụm B1, B2 và B3	1.197	1.197	100,00	1.197	100	
15	Xây dựng đường liên xã Long Bình đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	6.710	-	-	6.710	100	
16	Nâng cấp mở rộng đường trước UBND xã Long Tân đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	464	-	-	464	100	
17	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Trung	96	96	100,00	96	100	
18	Xây dựng 06 phòng học lầu trường Mẫu giáo Phú Riềng Đỏ	3.227	2.618	81,14	3.227	100	
19	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	366	100	27,31	366	100	
20	Xây dựng 04 phòng học lầu trường Tiểu học Phú Riềng A	50	50	100,00	50	100	
21	Xây dựng 04 phòng học lầu trường MG Tuổi Thơ (Điểm lẻ thôn 9)	105	102	96,88	105	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
22	Xây dựng 04 phòng học lầu trường Tiểu học phú Riềng A	746	746	100,00	746	100	
23	Xây dựng 10 phòng học lầu trường TH Long Hưng	3.545	2.760	77,86	3.545	100	
24	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	1.500	-	-	1.500	100	
25	Xây dựng 16 phòng học lầu trường Mẫu giáo Long Hà	730	-	-	730	100	
26	Xây dựng 04 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà C (điểm thôn Phú Mang 1)	530	530	100	530	100	
27	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Tiểu học Phú Riềng B (điểm trường thôn Phú Bình)	430	-	-	430	100	
28	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường TH và THCS Bình Sơn (điểm chính)	530	530	100,00	530	100	
29	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, xã Long Bình	480	-	-	480	100	
30	Xây dựng 10 phòng học lầu và công trình phụ trợ Trường TH Long Hà C	600	600	100,00	600	100	
31	Xây dựng 08 phòng học lầu, nhà vệ sinh Trường Tiểu học Lê Hoàn	95	-	-	95	100	
32	Xây dựng nhà làm việc công an, xã đội xã Long Bình	39	-	-	39	100	
33	Đường GTNT từ thôn Phú Bình đến trung tâm xã: Đoạn 2: từ QL14 đến tiếp giáp ĐT.753B dài 500m	183	183	100,00	183	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
34	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 8, từ nhà ông Nguyễn Minh Thu đến đường ĐT 757	21	-	-	21	100	
35	Xây dựng 02 phòng học và công trình phụ trợ Trường TH và THCS Phú Trung (điểm thôn Phú Tiến)	101	101	100	101	100	
36	Xây dựng 04 phòng chăm sóc nuôi dưỡng, Hành chính quản trị và các công trình phụ Trường Mẫu giáo Phú Trung	296	296	100,00	296	100	
37	Xây dựng 04 phòng học lều Trường Mẫu giáo Phước Tân	258	258	100	258	100	
38	Xây dựng 04 phòng học lều và phòng giáo viên Trường TH và THCS Trần Phú (điểm trường THCS)	181	181	100	181	100	
39	Xây dựng 06 phòng học lều trường TH và THCS Bình Sơn (điểm chính)	2.700	-	-	2.700	100	
40	Xây dựng 06 phòng học lều và công trình phụ Trường Mẫu giáo Bình Minh	254	254	100	254	100	
41	Xây dựng 10 phòng học lều Trường Tiểu học Long Tân	600	497	82,79	600	100	
42	Xây dựng nhà làm việc công an, xã đội xã Long Hà	550	-	-	550	100	
43	Xây dựng trụ sở UBND xã Long Hà và các hạng mục phụ	1.168	-	-	1.168	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
44	Nâng cấp thảm nhựa, lát vỉa hè Đường ĐH312 đoạn trước đền thờ Vua Hùng - huyện Phú Riềng	1.304	-	-	1.304	100	
45	Xây dựng đường từ trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân, huyện Phú Riềng	5.637	-	-	5.637	100	
46	Giải phóng mặt bằng, ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường từ dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	6.694	-	-	6.694	100	
47	Xây dựng đường liên xã Long Bình đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	153	146	95,41	153	100	
48	Xây dựng đường dọc hướng Sông Bé kết nối Đồng Xoài –Đồng Phú –Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (Ranh huyện Phú Riềng đi về đường ĐT 757, huyện Phú Riềng) - Giai đoạn 1	7.237	7.237	100	7.237	100	
49	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Long Bình, huyện Phú Riềng	1.247	1.247	100	1.247	100	
50	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	247	191	77,22	247	100	
51	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	310	307	99,13	310	100	
52	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 2)	6.472	6.472	100	6.472	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
53	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6a (N4 - D9), D9 (từ D6 - D7) TTHC huyện Phú Riềng	2.500	-	-	2.500	100	
54	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	1.500	-	-	1.500	100	
55	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường gom (đoạn 2) và đường ĐT.741 TTHC huyện Phú Riềng	2.500	-	-	2.500	100	
56	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, trạm biến áp khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	2.000	-	-	2.000	100	
57	Xây dựng hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 3)	1.500	-	-	1.500	100	
58	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	1.058	1.058	100	1.058	100	
59	Xây dựng hệ thống thoát nước từ TTHC huyện về Suối Rạt, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	1.000	-	-	1.000	100	
60	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	1.000	1.000	100	1.000	100	
61	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính xã Long Tân của khu phân lô đất ở từ cụm B1, B2 và B3	255	255	100	255	100	
62	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	2.728	8	0,29	2.728	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
63	Giải phóng mặt bằng dự án XD Cầu Long Tân - Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	34	-	-	34	100	
64	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư Phú Riềng (13,9)ha	477	477	100	477	100	
65	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân (Giai đoạn 2)	8.537	8.537	100	8.537	100	
66	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)- giai đoạn 2	703	18	2,55	703	100	
67	Xây dựng hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9)ha	236	236	100	236	100	
68	Xây dựng 6 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH và THCS Bình Sơn (cấp TH điểm lẻ thôn Bình Minh)	2.254	1.993	88,41	2.254	100	
69	Xây dựng 06 phòng học lầu và công trình phụ Trường Mẫu giáo Bình Minh	3.800	3.511	92,38	3.800	100	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: **800** /BC-UBND ngày **13** / **12** /2024 của UBND huyện)

Chủ đầu tư: UBND xã Bình Tân

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	16.346	4.446	27,2	16.346	100	
I	Vốn sử dụng đất	5.985	-	-	5.985	100	
1	Sửa chữa đường nhựa thôn Phước Hòa (đoạn từ cuối đường thôn Phước Lộc đến hết khu dân cư Bù Giảm)	400	-	-	400	100	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ đường nhựa liên xã đến hết đường vào nhà văn hóa thôn)	176	-	-	176	100	
3	Nâng cấp sửa chữa đường nhựa thôn Phước Tân (đoạn từ ranh đất thị xã Phước Long đến ông Trịnh Văn Thành)	396	-	-	396	100	
4	Nâng cấp sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ bà Nguyễn Thị Phương đến ông Trần Văn Sỹ)	328	-	-	328	100	
5	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ ông Nguyễn Thọ Xuân đến nhà ông Hoàn Xuân Quý)	434	-	-	434	100	
6	Mở rộng cầu, gia cố lề đường GTNT tuyến nhánh qua khu dân cư thôn Phước Thịnh, xã Bình Tân	1.322	-	-	1.322	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
7	Nâng cấp, sửa chữa các nhánh đường ngang khu dân cư thôn Phước Thịnh	266	-	-	266	100	
8	Láng nhựa đường thôn Phước Tân (đoạn từ hội trường thôn đến đất ông Trần Sỹ Thống)	1.141	-	-	1.141	100	
9	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Hiếu Phong (đoạn từ ông Bùi Phước Nhật đến nhà ông Phan Văn Siêu)	1.522	-	-	1.522	100	
II	Chương trình Nông thôn mới	8.500	4.446	52,3	8.500	100	
01	Sửa chữa Hội trường UBND xã	491	488	99,3	491	100	
02	Đường BTXM thôn Phước An (Đoạn từ đường liên xã đến nhà bà Nguyễn Thị Thu)	81	-	-	81	100	
03	Đường BTXM thôn Phước Hòa (Đoạn từ ông Hoàng Sỹ Tới đến ông Lê Đức Tùng)	372	372	99,9	372	100	
04	Đường BTXM thôn Phước Tân (Đoạn từ đất ông Trần Quang Duy đến ông Phạm Hồng Đức)	335	335	100	335	100	
05	Đường BTXM thôn Phước Thịnh: Đoạn đường nội bộ nghĩa trang Phước Thịnh và Phước An (Chiều dài 100m)	38	-	-	38	100	
06	Đường BTXM thôn Phước Thịnh: Đoạn từ ông Nguyễn Tiến Dũng đến ông Nguyễn Viêt Xuân (chiều dài 70m)	39	-	-	39	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
07	Đường BTXM thôn Phước Hòa (Đoạn từ ông Vũ Văn Hợp đến ông Ngô Quang Lực)	79	-	-	79	100	
08	Sửa chữa đường nhựa thôn Phước Hòa (đoạn từ cuối đường thôn Phước Lộc đến hết khu dân cư Bù Giâm)	1.000	559	55,9	1.000	100	
09	Nâng cấp, sửa chữa các nhánh đường ngang khu dân cư thôn Phước Thịnh	700	383	54,6	700	100	
10	Đường BTXM thôn Bình Hiếu: + Đoạn từ ông Khuất Đức Hải đến ông Bùi Văn Mót chiều dài 480m; + Đoạn từ ông Nguyễn Văn Dân đến ông Ung Lắm chiều dài 100m	303	-	-	303	100	
11	Láng nhựa đường thôn Phước Tân (đoạn từ hội trường thôn đến đất ông Trần Sỹ Thống)	685	135	19,7	685	100	
12	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Hiếu Phong (đoạn từ ông Bùi Phước Nhật đến nhà ông Phan Văn Siêu)	878	757	86,2	878	100	
13	Mua sắm màn hình LED cho nhà văn hóa UBND xã	199	-	-	199	100	
14	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ đường nhựa liên xã đến hết đường vào nhà văn hóa thôn)	350	208	59,4	350	100	



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
15	Nâng cấp sửa chữa đường nhựa thôn Phước Tân (đoạn từ ranh đất thị xã Phước Long đến ông Trịnh Văn Thành)	800	465	58,2	800	100	
16	Nâng cấp sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ bà Nguyễn Thị Phương đến ông Trần Văn Sỹ)	350	269	76,8	350	100	
17	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (đoạn từ ông Nguyễn Thọ Xuân đến nhà ông Hoàn Xuân Quý)	800	476	59,5	800	100	
18	Mở rộng cầu, gia cố lề đường GTNT tuyến nhánh qua khu dân cư thôn Phước Thịnh, xã Bình Tân	1.000	-	-	1.000	100	
III	Vốn tỉnh bổ sung hụt thu cân đối năm 2023	1.861	-	-	1.861	100	
01	Xây dựng hàng rào nhà văn hóa thôn Phước Tân	90	-	-	90	100	
02	Sửa chữa, mua sắm thiết bị nhà văn hóa xã Bình Tân	1.771	-	-	1.771	100	



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)

Chủ đầu tư: UBND xã Long Hưng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	688	526	76,5	688	100	
I	Vốn sử dụng đất	688	526	76,5	688	100	
01	Đường BTXM, GTNT thôn 2: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Đặng Văn Hiệu đến thửa đất ông Cao Văn Việt	147	-	-	147	100	
02	Đường BTXM, GTNT thôn 5: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Trần Sỹ Rạng đến thửa đất bà Nguyễn Thị Thuận (giáp cầu suối)	294	280	95,2	294	100	
03	Đường BTXM, GTNT thôn 5: Từ đường BTXM hiện hữu, tiếp giáp thửa đất bà Mai Thị Hoài đến thửa đất ông Trần Ngọc Cảnh	247	246	99,8	247	100	



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)

Chủ đầu tư: UBND xã Long Bình

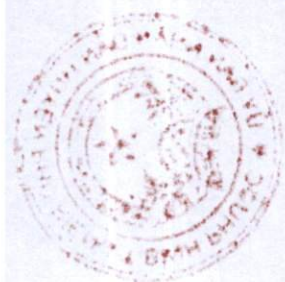
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	5.233	1.138	21,7	5.233	100	
A	KẾ HOẠCH NĂM 2024	5.100	1.138	22,3	5.100	100	
I	Vốn sử dụng đất	603	443	73,5	603	100	
01	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 8: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Phạm Biên Cương đến thửa đất bà Nguyễn Thị Kim Ba	332	249	75,1	332	100	
02	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 11: Từ thửa đất ông Võ Minh Tâm đến thửa đất ông Nguyễn Đình Tự	257	193	75,2	257	100	
03	Sửa chữa, nâng cấp hàng rào nhà văn hóa 02 thôn 5, xã Long Bình; thôn 6, xã Long Bình	13,5	-	-	13,5	100	
II	Chương trình Nông thôn mới	4.200	695	16,6	4.200	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
01	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 1: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Nguyễn Ngọc Mai đến thửa đất ông Nguyễn Văn Nhung	277	276	99,7	277	100	
02	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 6: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Ngô Văn Thoại đến thửa đất ông Nguyễn Như Thụy	332	332	100,0	332	100	
03	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 3: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Mai Văn Nhi đến thửa đất ông Lê Văn Chinh	230	-	-	230	100	
04	Đường BTXM vào điểm Trường và hàng rào Trường tiểu học Vù A Dính (điểm lẻ thôn 7) xã Long Bình	727	87	12,0	727	100	
05	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường kết nối ĐT 757 với đường từ xã Đakia huyện Bù Gia Mập về xã LongHưng, Long Bình huyện Phú Riềng	2.634	-	-	2.634	100	
III	Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS	297,0	-	-	297,0	100	
01	Sửa chữa, nâng cấp hàng rào nhà văn hóa 02 thôn 5, xã Long Bình; thôn 6, xã Long Bình	297	-	-	297,0	100	
B	VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2024	133	-	-	133	100	



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
01	Đường bê tông xi măng cấp C dài 759m, tại thôn 5, xã Long Bình	17	-	-	17	100	
02	Xây dựng mương thoát nước thôn 4, thôn 3 xã Long Bình	116	-	-	116	100	





Biểu 05

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)

Chủ đầu tư: UBND xã Long Tân*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	4.389	846	19,3	4.389	100	
A	KẾ HOẠCH NĂM 2024	4.292	846	19,7	4.292	100	
I	Vốn sử dụng đất	4	-	-	4	100	
01	Xây dựng 01 căn nhà cho Thị Cúc và Thị Men	4	-	-	4	100	
II	Chương trình Nông thôn mới	4.200	846	20,1	4.200	100	
01	Tuyến đường BTXM GTNT Thôn 1: Đoạn từ thửa đất ông Phùng Đức Vần đến thửa đất ông Tạ Quan Sốt	201	201	100,0	201	100	
02	Tuyến đường BTXM GTNT Thôn 3: Đoạn từ thửa đất ông Nguyễn Văn Xuân Ca đến thửa đất ông Nguyễn Văn Duyên	201	201	100,0	201	100	
03	Tuyến đường BTXM GTNT Thôn 7: Đoạn từ thửa đất ông Huỳnh Đức Phong đến thửa đất ông Nguyễn Quang Dầu	218	218	100,0	218	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
04	Tuyến đường BTXM GTNT Thôn 3: Đoạn từ thửa đất ông Lâm Thành Tuyển đến thửa đất ông Mai Văn An	226	226	100,0	226	100	
05	Giải phóng mặt bằng và mở rộng đường giao thông từ xã kết nối cầu Long Tân - Long Hà	2.354	-	-	2.354	100	
06	Giải phóng mặt bằng và mở rộng đường giao thông thôn 7, xã Long Tân từ km0+600 đường Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản kết nối với ĐT758	1.000	-	-	1.000	100	
III	Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS	88	-	-	88	100	
01	Xây dựng 02 căn nhà cho Thị Cúc và Thị Men	88		-	88	100	
B	VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2024	97	-	-	97	100	
01	Láng nhựa đường thôn 5 xã Long Tân	8	-	-	8	100	
02	Xây dựng hàng rào nghĩa trang nhân dân xã Long Tân	9	-	-	9	100	
04	Xây dựng 05 phòng chức năng trạm y tế xã Long Tân	72	-	-	72	100	
02	Hỗ trợ tiền về mua đất ở cho 02 hộ Điều Kha và Điều Dinh	8	-	-	8	100	

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**(Kèm theo Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)**Chủ đầu tư: UBND xã Long Hà***Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	3.490	1.692	48,5	3.435	98	
A	KẾ HOẠCH NĂM 2024	3.117	1.320	42,3	3.117	100	
I	Vốn sử dụng đất	2.095	1.320	63,0	2.095	100	
01	Tuyến đường BTXM GTNT thôn Phu Mang 3 - thôn Bù Ka: Đoạn từ thửa đất ông Điều Ná đến thửa đất ông Nguyễn Quang Khải	1.083	1.080	99,7	1.083	100	
02	Đoạn BTXM vào nghĩa trang Nhân dân Trung tâm xã, thôn 4	30	29	96,3	30	100	
03	Đường vào Nghĩa trang Nhân dân thôn 1	77	-	-	77	100	
04	Tuyến đường BTXM GTNT, thôn Thanh Long: Đoạn từ thửa đất bà Trần Thị Lê đến thửa đất ông Cao Đình Tiến	256	-	-	256	100	
05	Tuyến đường BTXM GTNT, thôn Phu Mang 1: Đoạn từ thửa đất ông Bùi Như Đào đến thửa đất ông Phạm Ngọc Cường	212	211	99,6	212	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
06	Đường bê tông xi măng, thôn 11: Đoạn từ thửa đất ông Nguyễn Hữu Bảo đến thửa đất ông Nguyễn Văn Hạ	109	-	-	109	100	
07	Tuyến đường BTXM GTNT thôn 8: Đoạn từ thửa đất ông Kiều Quang Mạnh đến thửa đất ông Nguyễn Dương Thực	103	-	-	103	100	
08	Tuyến đường BTXM GTNT thôn 8: Đoạn từ thửa đất ông Kiều Văn Phấn đến đất ông Đỗ Hữu Tuệ	224	-	-	224	100	
09	Sửa chữa 01 căn nhà cho hộ cận nghèo Điều Cum thuộc thôn 2 xã Long Hà	1	-	-	1	100	
II	Chương trình Nông thôn mới	1.000	-	-	1.000	100	
01	Nâng cấp, mở rộng đường thôn Phú Mang 1 và kết nối với đường dọc Sông Bé - xã Long Hà	1.000	-	-	1.000	100	
III	Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS	22	-	-	22	100	
01	Sửa chữa 01 căn nhà cho hộ cận nghèo Điều Cum thuộc thôn 2 xã Long Hà	22	-	-	22	100	
B	VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2024	373	372	99,8	318	85	
01	Láng nhựa từ đường ĐT757B vào thôn Phú Mang 1 xã Long Hà	373	372	99,8	318	85	



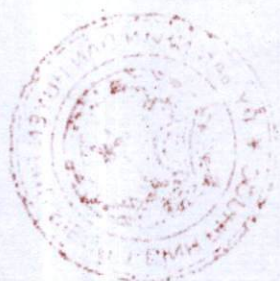
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)

Chủ đầu tư: UBND xã Phú Riềng

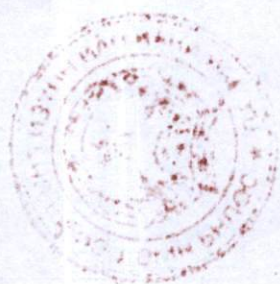
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	2.000	422	21,1	2.000	100	
I	Chương trình Nông thôn mới	2.000	422	21,1	2.000	132	
01	Tuyến đường BTXM GTNT thôn Phú Tân: Đoạn đường từ thửa đất ông Ngô Minh đến thửa đất ông Lại Ngọc Hoàng	78	78	99,4	78	100	
02	Tuyến đường BTXM GTNT thôn Phú Thuận: Đoạn đường từ thửa đất ông Hoàng Văn Phú đến thửa đất ông Bùi Văn Hưng	58	58	100,0	58	100	
03	Tuyến đường BTXM GTNT tại thôn Phú Tân: Đoạn từ thửa đất ông Dương Văn Đồng đến thửa đất bà Nguyễn Thị Thủy	102	8	7,9	102	100	
04	Mở rộng đường BTXM GTNT thôn Phú Tân: đoạn từ đất nhà ông Ngô Văn Cừ đến đất nhà ông Phan Văn Nho (tổ 2,3)	279	279	99,8	279	100	
05	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hệ thống thoát nước dọc vành đai suối Dên, xã Phú Riềng	1.483	-	-	1.483	100	



**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**(Kèm theo Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)**Chủ đầu tư: UBND xã Phú Trung***Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	549	252	46,0	549	100	
I	Vốn sử dụng đất	254	252	99,4	254	100	
01	Tuyến đường BTXM thôn Phú Nghĩa: Đoạn từ thửa đất ông Lê Thành Tâm đến thửa đất ông Lê Hòa Khánh	78	78	99,6	78	100	
02	Tuyến đường BTXM thôn Phú Nghĩa: Đoạn từ thửa đất bà Đỗ Thị Như Ý đến thửa đất ông Trần Minh Tú	84	83	99,3	84	100	
03	Tuyến đường BTXM thôn Phú Lâm: Đoạn từ thửa đất ông Nguyễn Văn Dương đến thửa đất bà Trần Thị Hường	92	91	99,2	92	100	
II	Chương trình Nông thôn mới	295	-	-	295	100	
01	Sửa chữa Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ và các công trình phụ xã Phú Trung	294,5	-	-	294,5	100	





Biểu 09

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024(Kế hoạch Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)**Chủ đầu tư: UBND xã Phước Tân***Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.013,5	-	-	1.013,5	100	
A	KẾ HOẠCH NĂM 2024	1.311	-	-	1.311	100	
I	Vốn sử dụng đất	13,5	-	-	13,5	100	
01	Xây dựng sân khấu tại nhà văn hóa Thôn Bình Trung, xã Phước Tân	13,5		-	13,5	100	
II	Chương trình Nông thôn mới	1.000	-	-	1.000	100	
02	Nâng cấp đường N6 (từ đường ĐT 759 đến cổng UBND xã) và đường D2 (sau lưng UBND xã)	1.000	-	-	1.000	100	
III	Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS	297	-	-	297	100	
01	Xây dựng sân khấu tại nhà văn hóa Thôn Bình Trung, xã Phước Tân	297		-	297,0	100	
B	VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2024	40	-	-	40	100	
03	Đường từ cao su NT Nghĩa Trung - ông Hoàng	2	-	-	2	100	
02	Đường vào dốc đất (đoạn từ bà Thạch - ông Tài	2	-	-	2	100	

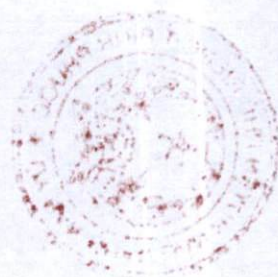
STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
07	Sửa chữa hội trường trung tâm xã, trụ sở UBND xã	25	-	-	25	100	
01	Sửa chữa nhà văn hoá thôn Bàu Đĩa và các công trình phụ trợ	3	-	-	3	100	
06	Sửa chữa nhà văn hoá thôn Bình Trung và các công trình phụ trợ	3	-	-	3	100	
05	Sửa chữa nhà văn hoá thôn Đồng Tháp và các công trình phụ trợ	3	-	-	3	100	
04	Sửa chữa nhà văn hoá thôn Đồng Tiến và các công trình phụ trợ	3	-	-	3	100	



Biểu 10

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024(Kèm theo Báo cáo số: **800** /BC-UBND ngày **13** / **12** /2024 của UBND huyện)**Chủ đầu tư: UBND xã Bình Sơn***Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	193	103	53,3	193	100	
A	KẾ HOẠCH NĂM 2024	46	-	-	46	100	
I	Vốn sử dụng đất	2	-	-	2	100	
01	Xây dựng 01 căn nhà cho Thị Hiền thuộc thôn Bình Minh xã Bình Sơn	2,0		-	2,0	100	
II	Chương trình PTKTXH vùng ĐBDTTS	44	-	-	44	100	
04	Xây dựng 01 căn nhà cho Thị Hiền thuộc thôn Bình Minh xã Bình Sơn	44		-	44,0	100	
B	VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2024	147	103	69,9	147	100	
01	Nhà văn hoá thôn Sơn Hà 2	71,9	52,5	73,0	71,9	100	
02	Nhà văn hoá thôn Bình Minh	24,0	20,3	84,6	24,0	100	
03	Nhà văn hoá thể thao Phú Châu	30,1	20,3	67,4	30,1	100	
04	Nhà văn hoá thể thao thôn Sơn Hà 1	21,5	10,1	46,9	21,5	100	



**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**(Kèm theo Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)**Chủ đầu tư: UBND xã Bù Nho***Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	848	165	19,5	848	100	
I	Vốn sử dụng đất	848	165	19,5	848	100	
01	Đường BTXM GTNT thôn Tân Long: Tiếp giáp đường nhựa từ thửa đất ông Trần Trọng Kim đến thửa đất ông Võ Văn Dũng	127	127	99,8	127	100	
02	Đường BTXM GTNT thôn Tân Phú: Tiếp giáp đường BTXM từ thửa đất ông Hà Đình Thuần đến thửa đất ông Nguyễn Xuân Hoàng	236	-	-	236	100	
03	Mở rộng Đường BTXM GTNT, đường tổ Tân Hưng, thôn Tân Hiệp 1: Điểm đầu đường BTXM hiện hữu điểm cuối thửa đất bà Nguyễn Thị Bình	314	-	-	314	100	
04	Đường tổ Tân Hưng, thôn Tân Hiệp 1: Điểm đầu đường nhựa hiện hữu đến điểm cuối thửa đất ông Lê Văn Vương	106	-	-	106	100	
05	Làm sân bê tông xi măng Hội trường thôn Tân Hòa	15	15	100	15	100	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
06	Làm sân BTXM hội trường thôn Tân Phước	50	23	46,6	50	100	



Biểu 12

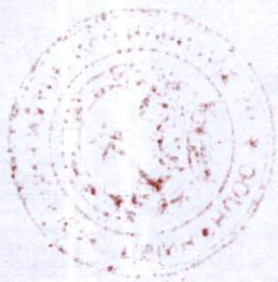
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: **800** /BC-UBND ngày **13** / **12** /2024 của UBND huyện)

Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	440	-	-	440	100	
I	Xây dựng cơ bản tập trung	440	-	-	440	100	
01	Triển khai hệ thống đèn chiếu sáng thông minh năm 2024	440	-	-	440	100	





TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 809 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)

Chủ đầu tư: Phòng Giáo dục và Đào tạo

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	3.800	-	-	3.800	100	
A	KẾ HOẠCH NĂM 2024	3.600	-	-	3.600	100	
I	Vốn tính hỗ trợ chi đầu tư phát triển	3.600	-	-	3.600	100	
01	Mua sắm thiết bị và sửa chữa các trường học trên địa bàn huyện năm 2024	3.600	-	-	3.600	100	
B	VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2024	200	-	-	200	100	
01	Mua sắm thiết bị và sửa chữa các trường học trên địa bàn huyện năm 2024	200	-	-	200	100	



Biểu 14

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024(Kèm theo Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)**Chủ đầu tư: Công an huyện***Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	2.064	-	-	2.064	100	
A	KẾ HOẠCH NĂM 2024	2.000	-	-	2.000	100	
I	Xây dựng cơ bản tập trung	2.000	-	-	2.000	100	
02	Lắp đặt và nâng cấp hệ thống giám sát camera an ninh, an toàn giao thông – Giai đoạn 2	2.000	-	-	2.000	100	
B	VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2024	64	-	-	64	100	
01	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số của Công an huyện Phú Riềng	64	-	-	64	100	





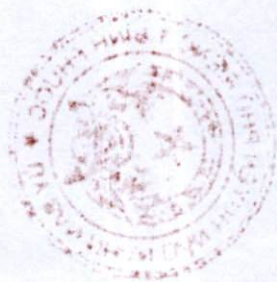
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 800 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)

Chủ đầu tư: Phòng Lao động, thương binh và Xã hội

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2024	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	Ước giải ngân cả năm	Tỷ lệ (%) ước cả năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	78	-	-	78	100	
A	VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2024	78	-	-	78	100	
1	Xây dựng nhà sân khấu tại Nhà văn hóa thôn 6, xã Long Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	8	-	-	8	8	
2	Đầu tư kéo điện trung thế tại thôn 6 xã Long Tân	70	-	-	70	70	



Phụ lục 02

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 809 /BC-UBND ngày 13 / 12 /2024 của UBND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Bố trí hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
	TỔNG SỐ				656.000	170.945	208.724		
I	Xây dựng cơ bản tập trung				221.162	64.907	26.400		
I.1	Dự án chuyển tiếp				114.312	64.907	17.720		
a	Lĩnh vực giáo dục				21.000	10.780	4.796		
01	Xây dựng 04 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà C (điểm thôn Phú Mang 1)		2024-2025	605/QĐ-UBND ngày 06//3/2024	4.500	3.530	200	Ban QLDAXD huyện	
02	Xây dựng 10 phòng học lầu và công trình phụ trợ Trường TH Long Hà C		2024-2025	606/QĐ-UBND ngày 06//3/2024	8.500	5.600	1.200	Ban QLDAXD huyện	
03	Xây dựng 09 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà A		2024-2025	3716/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	8.000	1.650	3.396	Ban QLDAXD huyện	
b	Lĩnh vực giao thông				93.312	54.127	12.924		
01	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)-giai đoạn 2	TTHC huyện	2023-2025	2361/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	6.000	3.500	1.000	Ban QLDAXD huyện	
01	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	TTHC huyện	2023-2025	2363/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	7.000	3.170	2.000	Ban QLDAXD huyện	
02	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	TTHC huyện	2023-2025	2362/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	10.812	7.159	2.000	Ban QLDAXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Bố trí hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
03	Xây dựng hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9 ha)	TTHC huyện	2023-2025	2705/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	20.500	13.346	3.000	Ban QLDAXD huyện	
04	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư Phú Riềng (13,9)ha	TTHC huyện	2023-2025	2347/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	39.000	20.152	3.684	Ban QLDAXD huyện	
05	Nâng cấp thảm nhựa đường từ Phú Riềng đi cầu Long Tân (đoạn từ km7+00 đường kết nối Phú Riềng - cầu Long Tân - Tân Hưng tới đường 327 xã Long Tân)	Xã Long Tân	2024-2025	3205/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	7.000	5.000	640	Ban QLDAXD huyện	
06	Xây dựng cống qua suối Đá Bàn đường liên xã Long Hưng đi Long Bình	Xã Long Bình	2024-2025	3263/QĐ-UBND ngày 24/9/2024	3.000	1.800	600	Ban QLDAXD huyện	
I.2	Dự án khởi công mới						4.600		
I.2.1	Khoa học công nghệ				1.150	-	1.000		
01	Trang thiết bị công nghệ thông tin cho các cơ quan, đơn vị cấp xã để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số,	Các phòng chuyên môn và UBND các xã	Năm 2025		1.150		1.000	Văn phòng HĐND-UBND huyện	
I.2.2	Lĩnh vực khác						3.600		
01	Chi ủy thác cho các đối tượng là hộ nghèo, đối tượng chính sách khác vay		Năm 2025				3.000	Phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Riềng	
02	Quỹ hỗ trợ Nông dân		Năm 2025				600		
2.1	Hội nông dân huyện						500		
2.2	UBND 10 xã						100		Mỗi xã 10 triệu

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Bố trí hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
I.3	Chuẩn bị đầu tư				106.850	-	4.080		
01	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị văn phòng, trang thiết bị y tế để thành lập Phòng khám Đa khoa trực thuộc Trung tâm Y tế huyện	Xã Bù Nho	2024-2025		2.550		100	VP UBND huyện	
02	Xây dựng bổ sung nhà làm việc UBND xã Phước Tân	Xã Phước Tân	2024-2026		17.000		600	Ban QLDAXD huyện	
03	Xây dựng bổ sung nhà làm việc UBND xã Bình Tân	Xã Bình Tân	2024-2026		9.000		300	Ban QLDAXD huyện	
04	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Long Hưng (điểm thôn 5)	Xã Long Hưng	2024-2026		4.000		150	Ban QLDAXD huyện	
05	Xây dựng 09 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Lê Văn Tám (điểm thôn Bình Hiếu)	Xã Bình Tân	2024-2026		8.000		300	Ban QLDAXD huyện	
06	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường TH Lê Văn Tám (điểm chính thôn thôn Phước Thịnh)	Xã Bình Tân	2024-2026		4.500		180	Ban QLDAXD huyện	
07	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường THCS Bù Nho	Xã Bù Nho	2024-2026		6.800		250	Ban QLDAXD huyện	
08	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã Phú Riêng	Xã Phú Riêng	2024-2026		5.500		220	Công an huyện	
09	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã Bù Nho	Xã Bù Nho	2024-2026		5.500		220	Công an huyện	
10	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã Long Tân	Xã Long Tân	2024-2026		5.500		220	Công an huyện	
11	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã Long Hà	Xã Long Hà	2024-2026		5.500		220	Công an huyện	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Bố trí hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
12	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã Long Bình	Xã Long Bình	2024-2026		5.500		220	Công an huyện	
13	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã Long Hưng	Xã Long Hưng	2024-2026		5.500		220	Công an huyện	
14	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã Phú Trung	Xã Phú Trung	2024-2026		5.500		220	Công an huyện	
15	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã Phước Tân	Xã Phước Tân	2024-2026		5.500		220	Công an huyện	
16	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã Bình Tân	Xã Bình Tân	2024-2026		5.500		220	Công an huyện	
17	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn	2024-2026		5.500		220	Công an huyện	
II	Vốn sử dụng đất				62.338	49.238	29.400		
II.1	Bố trí đối ứng xây dựng huyện nông thôn mới				62.338	49.238	29.400		
01	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Bình Tân đi Thác Ba (Đoạn qua Khu dân cư thôn Phước Thịnh, xã Bình Tân)	Xã Bình Tân	2024-2025	2863/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	6.000	3.000	2.500	Ban QLDAXD huyện	
02	Nâng cấp lát nhựa đường liên xã tại Km6+400 đường Bù Nho - Phước Tân với đường liên xã Bình Tân đi thôn Bình Trung, xã Phước Tân tại Km5+600	Xã Phước Tân, Bình Tân	2024-2025	2866/QĐ-UBND ngày 26/7/2024	13.500	7.038	6.000	Ban QLDAXD huyện	
03	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối xã Đa Kia (Suối Cát giáp ranh với huyện Bù Gia Mập) với xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng	Xã Long Bình	2024-2025	2864/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	25.000	9.800	7.500	Ban QLDAXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Bố trí hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
04	Chưa phân khai						13.400		Giao UBND huyện giao chi tiết
III	Chi đầu tư phát triển				372.500	56.800	110.000		
III.1	Dự án chuyển tiếp				145.000	56.800	45.000		
01	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ công trình dọc sông bé giai đoạn 2		2023-2025	2973/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	40.000	33.000	1.000	Ban QLDAXD huyện	
02	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 3)	Xã Long Hà và Long Bình	2024-2025	611/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	25.000	13.300	11.000	Ban QLDAXD huyện	
03	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 4)	Xã Long Hà và Long Bình	2024-2025	612/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	40.000	1.000	17.000	Ban QLDAXD huyện	
04	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	TTHC huyện	2022-2025	4165/QĐ-UBND 23/11/2022	40.000	9.500	16.000	Ban QLDAXD huyện	
III.2	Dự án khởi công mới				227.500	-	65.000		
01	Xây dựng Công viên Quảng trường Trung tâm huyện Phú Riềng	TTHC huyện	2024-2025	3715/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	58.000		20.000	Ban QLDAXD huyện	
02	Nâng cấp láng nhựa đường dọc sông Bé đoạn từ Long Tân đi Long Hà	xã Long Tân, Long Hà	2024-2026		18.000		6.000	Ban QLDAXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Bố trí hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
03	Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Long Bình đi xã Đakia, Bù Gia Mập (đoạn ĐT.757b - tuyến Long Hưng - Long Bình)	xã Long Bình	2024-2026		23.000		7.000	Ban QLDAXD huyện	
04	Nâng cấp đường giao thông thôn 7, xã Long Tân từ km0+600 đường Long Tân-Tân Hưng Hớn Quản kết nối với ĐT758	Xã Long Tân	2025-2026		20.000		6.000	Ban QLDAXD huyện	
05	Nâng cấp đường giao thông từ xã kết nối cầu Long Tân - Long Hà	Xã Long Tân	2025-2026		35.000		7.000	Ban QLDAXD huyện	
06	Nâng cấp đường thôn Phu Mang 1 và kết nối với đường dọc Sông Bé - xã Long Hà	Xã Long Hà	2025-2026		35.000		9.000	Ban QLDAXD huyện	
07	Nâng cấp đường kết nối ĐT 757 với đường từ xã Đakia huyện Bù Gia Mập về xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng	Xã Long Bình	2025-2026		20.000		5.000	Ban QLDAXD huyện	
08	Nâng cấp, mở rộng đường thôn 6 từ trung tâm xã Long Tân kết nối với đường liên huyện Phú Riềng - Hớn Quản	Xã Long Tân	2025-2026		18.500		5.000	Ban QLDAXD huyện	
IV	Vốn sử dụng đất huyện giao thêm				-	-	42.924		Giao UBND huyện giao chi tiết
IV.1	Dự án chuyển tiếp				-	-	16.924		
a	Bố trí tất toán dự án NTM, NTM nâng cao						10.000		
b	Bố trí tất toán các dự án khác						6.924		
IV.2	Dự án khởi công mới						26.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Bố trí hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
a	Xây dựng NTM nâng cao xã Long Hà	Xã Long Hà	Năm 2025				18.000		
b	Đường BTXM	09 xã	Năm 2025				8.000		

